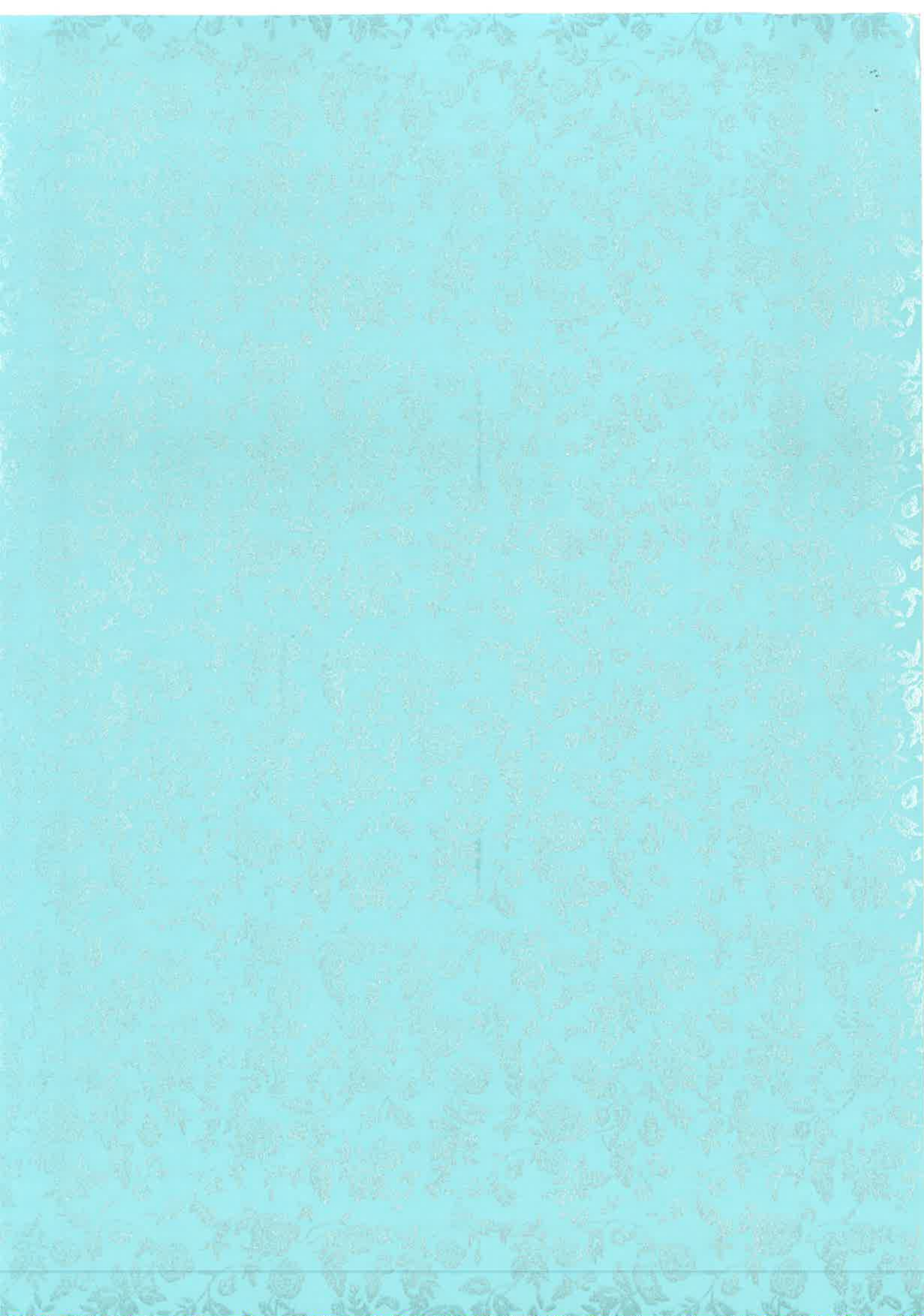


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN.

Tháng 3/2026



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN
05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030.**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Căn cứ pháp lý để xây dựng chiến lược phát triển

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc hợp nhất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hàm Tân thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Bình Thuận (mới);

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh cơ quan đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-CT.CTLN ngày 23/02/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận về việc ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ theo hiện trạng quản lý đất đai, tài sản, nguồn vốn, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý hiện có của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận xây dựng Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025.

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY.

1. Lịch sử hình thành:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận (*gọi tắt là Công ty*) là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Bình Thuận, nay thuộc chủ sở hữu là UBND tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định 758/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v điều chỉnh các cơ quan đại diện chủ sở hữu các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng.

2. Thông tin Công ty:

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.
- Địa chỉ: số 30 Yersin - phường Phan Thiết - tỉnh Lâm Đồng.
- Số điện thoại: 0252.3821717
- Mã số doanh nghiệp: 3401121487 (*Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 17 tháng 9 năm 2025*).
- Vốn điều lệ: 96.700.608.572 đồng.

3. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp: Công ty có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, trồng rừng, phát triển rừng, khai thác gỗ rừng trồng, mủ cao su và chế biến gỗ, dịch vụ. Trong đó, tập trung sản xuất kinh doanh có hiệu quả diện tích rừng và đất lâm nghiệp, đất sản xuất kinh doanh được Nhà nước cho thuê, giao quản lý theo Phương án quản lý rừng bền vững tạo thành mô hình tổng hợp nông, lâm, công nghiệp nhằm nâng cao chuỗi giá trị rừng trồng trên một đơn vị diện tích sản xuất để nâng cao đời sống người lao động, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho người dân địa phương tăng thu nhập và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước hàng năm theo quy định.

4. Lĩnh vực hoạt động chính: Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ đất; phát triển rừng, tài nguyên rừng và gieo ươm giống lâm nghiệp, cây công nghiệp; gắn với công nghiệp chế biến và thị trường.

5. Tổ chức và hoạt động của Công ty: Theo quy định của Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận tại Quyết định 263/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận (cũ).

5.1. Cơ cấu bộ máy tổ chức và số lượng CBCNV-NLĐ.

- Cơ cấu tổ chức:

+ Chủ tịch công ty: Người đại diện pháp luật.

+ Kiểm soát viên: 01 người.

+ Tổng Giám đốc: 01 người.

+ Phó Tổng Giám đốc: 02 người (trong đó: 01 Phó TGD kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật).

+ Kế toán trưởng: 01 người (kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán).

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức tương đương thuộc Công ty (04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ; 04 xí nghiệp trực thuộc).

- Tổng số lượng CBCNV-BĐH -NQL toàn Công ty: 173 người, trong đó:

+ Văn phòng Công ty: 33 người (gồm 4 người trong ban điều hành, Chủ tịch Công ty và 01 kiểm soát viên chuyên trách);

+ Xí nghiệp lâm nghiệp Hàm Tân: 62 người;

+ Xí nghiệp lâm nghiệp Hàm Thuận Nam: 37 người;

+ Xí nghiệp lâm nghiệp Bắc Bình Thuận: 28 người;

+ Xí nghiệp CBG Phan Thiết: 13 người (bao gồm cả bộ phận bán lẻ);

- Công ty đang tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, với 2 khối đơn vị trực thuộc: khối văn phòng và khối các đơn vị SXKD.

- Chất lượng người lao động: Thạc sĩ (04 người); Cao đẳng, Đại học (66 người); Trung cấp (23 người); Lao động phổ thông (80 người).

- Công ty hiện có 04 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty.

- Tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Ban nữ công.

5.2. Quy chế hoạt động (Liệt kê điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành).

Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được UBND tỉnh Bình Thuận ban hành tại Quyết định 263/QĐ-UBND ngày 25/01/2016.

+ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên công ty ban hành kèm Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận.

+ Quy chế làm việc của Công ty ban hành kèm Quyết định số 188/QĐ/CTLN ngày 03/6/2008 của Giám đốc Công ty.

+ Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành kèm Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận.

+ Quy chế nâng bậc lương đối với công nhân, viên chức trong Công ty ban hành kèm Quyết định số 922/QĐ-CTLN ngày 26/4/2019 của Chủ tịch Công ty.

+ Nội quy lao động ban hành kèm Quyết định số 209/QĐ-CT.CTLN ngày 26/4/2021 của Chủ tịch Công ty.

+ Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ tại Công ty ban hành kèm Quyết định số 636/QĐ-CTLN ngày 06/6/2023 của Chủ tịch công ty.

+ Quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định tại Công ty ban hành kèm Quyết định số 637/QĐ-CTLN ngày 06/6/2023 của Chủ tịch Công ty.

+ Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm Quyết định số 89/QĐ-CT.CTLN ngày 03/03/2023 của Chủ tịch Công ty.

5.3. Cơ sở pháp lý và hiện trạng và tình hình sử dụng đất đến 31/12/2025.

a. Cơ sở pháp lý.

Quyết định số 3591/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất giai đoạn năm 2016-2020 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận;

Các Quyết định xử lý của UBND tỉnh Bình Thuận về việc giao đất cho Công ty và hợp đồng thuê đất thực hiện các dự án trồng rừng, trồng cây công nghiệp và quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn toàn công ty;

Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Công văn số 1489/UBND-KT ngày 19/4/2006 và Công văn số 4393/UBND-KT ngày 13/10/2006 của UBND, thống nhất cho Công ty Lâm nghiệp Bình Thuận sử dụng diện tích đất được thuê, lựa chọn những đối tác phù hợp để liên kết trồng rừng, trồng cây công nghiệp; Căn cứ các hợp đồng kinh tế, giao khoán giữa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận và các tổ chức, cá nhân, đơn vị hợp tác đầu tư.

b. Hiện trạng quản lý đất đai.

Căn cứ các hợp đồng thuê đất, giao đất và hiện trạng quản lý, đến ngày 31/12/2025, tổng diện tích đất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận quản lý là **18.838,67 ha, bao gồm:** (kèm theo bảng phân loại đất)

- Đất có rừng trồng: 10.100,11 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 11,25 ha;
- Rừng tự nhiên QLBV: 3.072,11 ha;
- Đất dân đang sử dụng: 3.080,86 ha;
- Đất khác: 1.042,93 ha;
- Đất trống: 1.542,93 ha (bao gồm đất càzan, sỏi đá v.v...).

STT	Hiện trạng	Phân theo loại đất (ha)				Tổng cộng	Ghi chú
		Đất Nông nghiệp			Đất phi nông nghiệp		
		Đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất)	Đất sản xuất nông nghiệp (ngoài 3LR)	Đất nông nghiệp khác			
1	Đất có rừng tự nhiên	2.738,04	334,07			3.072,11	
2	Đất có rừng trồng	8.666,42	1.433,69			10.100,11	
3	Đất dân đang sử dụng	2.221,87	858,99			3.080,86	
4	Đất trống	1.131,96	410,7			1.542,66	
5	Đất khác	798,2	228,55	4,93	11,25	1.042,93	
Tổng cộng diện tích		15.556,49	3.266	4,93	11,25	18.838,67	

6. Các dự án đã thực hiện và đang triển khai.

- Hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư: Tổng diện tích thực hiện: 4.289,97 ha, bao gồm: 14 tổ chức kinh tế và 62 cá nhân.

- Hợp đồng khoán: Thực hiện chương trình Khoán theo Nghị định 01/CP, Nghị định 135/2005/NĐ-CP (nay là Nghị định 168/2016/NĐ-CP), Công ty hiện đang hợp đồng khoán trên diện tích: 4.077,40 ha, với 284 cá nhân, hộ nhận khoán và 01 tổ chức (trong đó: Khoán ổn định: 194 cá nhân và 01 tổ chức; Khoán dịch vụ, khoán quản lý bảo vệ rừng: 90 hộ dân).

- Dự án cấm mốc giới sử dụng đất, lập bản đồ địa chính: Thực hiện theo chủ trương tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán đo đạc, lập bản đồ địa chính-cấm mốc sử dụng đất. Đến nay, Công ty đã hoàn thành việc cấm mốc giới sử dụng đất trên toàn lâm phận quản lý để cấp đổi, cấp mới là: 14.917,76 ha.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025.

1. Một số kết quả nổi bật trong 05 năm giai đoạn 2021-2025.

- Hệ thống chính trị: Đảng uỷ Công ty, Công đoàn cơ sở Công ty đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” đã được UBND tỉnh tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2024.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận từ năm 2024, 2025 được UBND tỉnh Bình Thuận xếp hạng doanh nghiệp **hạng I** (trong đó, năm 2021, 2022, 2023 được UBND tỉnh bảo lưu kết quả hạng I do trong thời gian sắp xếp chuyển đổi Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Thủ tướng Chính phủ).

- Đời sống CB-CNV- Người lao động ngày càng được nâng cao, trong đó, thu nhập bình quân CB-CNV-người lao động luôn tăng hàng năm từ năm 2021: 09 triệu đồng/người/tháng đến nay: 14,890 triệu đồng/người/tháng.

- Phát triển sản xuất kinh doanh tạo chuỗi giá trị từ gieo ươm - trồng rừng - chế biến và dịch vụ trên cơ sở gắn với lĩnh vực Kinh tế - Xã hội - Môi trường đảm bảo mục tiêu quản lý rừng bền vững và duy trì chứng nhận FSC (FM/CoC) đã được Tổ chức Quốc tế GFA (Cộng hoà Liên bang Đức) cấp theo mã chứng chỉ GFA-FM/COC-003097. Năm 2025 là năm thứ 3 thực hiện thành công đánh giá giám sát chu kỳ thứ 2.

- Đầu tư cải tạo xử lý thực bì mức gốc cây sau khai thác rừng trồng hơn 600 ha đất đồi với diện tích rừng bạch đàn tái sinh chồi đã lão hoá nhiều năm, keo lai sau khai thác nhằm nâng cao chất lượng rừng trồng chu kỳ sau.

- Từ năm 2021-2025, Công ty đã đầu tư cơ sở hạ tầng hơn 4,5 tỷ đồng tại Văn phòng Công ty, các xí nghiệp Lâm nghiệp trực thuộc, Tổ, Trạm nhằm phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, nâng cao đời sống CB-CNV-NLĐ Công ty, trong đó, đã đầu tư xây dựng 02 tháp Canh lửa tại khu vực trạm Động Cát – Thuận Nam và Trạm Thắng Hải - Hàm Tân (cũ) gần 600 triệu đồng để phục vụ công tác PCCR hàng năm tại khu vực.

2. Một số thuận lợi, khó khăn trong giai đoạn 2021-2025.

2.1. Thuận lợi:

- Được chính sách miễn giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8%, giảm 30% tiền thuế đất, thuế TNDN của Chính phủ đã giúp Công ty giảm áp lực tài chính và kích cầu tiêu dùng sản phẩm Công ty đến người tiêu dùng.

- Được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh cùng các sở ban ngành, chính quyền địa phương trong công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ đã tạo điều kiện chia sẻ giúp cho Công ty tháo gỡ một số khó khăn về cơ chế, chính sách, tạo điều kiện Công ty hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ, cùng với quyết tâm, nỗ lực trong toàn hệ thống chính trị của Công ty đã tạo sự đồng lòng, chung tay vượt qua các khó khăn hiện hữu và tìm kiếm những giải pháp đồng bộ, khả thi để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

- Giá bán rừng trồng có thời điểm biến động theo chiều hướng tăng nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty đạt hiệu quả, từ đó, giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao trong năm, đảm bảo nguồn ngân lưu tài chính phục vụ hoạt động SXKD, nộp ngân sách và chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Công tác quản lý đất đai trong những năm qua dần ổn định, số vụ lấn chiếm đất đai, phá rừng trái pháp luật giảm so với những năm trước. Trong đó, Công ty luôn quan tâm đến công tác số hoá trong công tác quản lý đất đai. Tăng cường công tác thu hồi đất lấn chiếm để đưa vào trồng rừng hàng năm.

- Đội ngũ CB-CNV-NLĐ được đào tạo cơ bản, đảm bảo trình độ CMNV trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, nhất là đội ngũ nhân viên từ 25-30 tuổi có đủ trình độ, sức khoẻ thực hiện nhiệm vụ giao.

2.2. Khó khăn:

- Thời tiết trong những năm qua có nhiều diễn biến bất thường, một số khu vực nắng nóng cục bộ kéo dài gây ảnh hưởng đến sinh trưởng rừng trồng, một số diện tích rừng gần đến kỳ khai thác chết đứng gây thiệt hại tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, một số khu vực dự án trồng rừng có đất cằn cỗi, sỏi đá, bạc màu năng suất cây trồng thấp, hiệu quả không cao.

- Tình hình phá rừng, lấn chiếm, tái lấn chiếm đất đai vẫn còn diễn biến phức tạp nhất là các địa bàn khu vực vùng xa, vùng sâu, trong đó, có các vụ việc lấn chiếm đất trái phép giải quyết xử lý kéo dài gây ảnh hưởng đến nhân lực, vật lực của Công ty. Bên cạnh đó, Phương án quản lý sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững, cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt do quá trình thẩm định hồ sơ kéo dài gây khó khăn trong công tác quản lý đất đai của Công ty trong thời gian qua. Một số dự án kinh doanh thương mại không thể triển khai đầu tư do tính pháp lý hồ sơ đất đai chưa được xử lý dứt điểm một số khó khăn, vướng mắc như Khu trưng bày sản phẩm mộc tại Km14-Hàm Kiệm, Vườn ươm giống Tân An, nhà giống cây mô xưởng Đức Long.

- Công tác tiêu thụ gỗ rừng trồng chưa phát huy hết chuỗi giá trị do hiện nay chủ yếu bán dạng cây đứng theo quy định. Giá cả thị trường chưa ổn định. Bên cạnh đó, có thời điểm công tác lập hồ sơ phê duyệt Phương án khai thác còn nhiều bất cập về việc thẩm định, phê duyệt kéo dài làm ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của Công ty. Đồng thời, hoạt động chế biến gỗ không hiệu quả, sản xuất cầm chừng nhằm duy trì công ăn việc làm cho người lao động; hệ thống bán lẻ chưa có dấu hiệu khởi sắc do ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh của các dòng sản phẩm giá rẻ từ thị trường bên ngoài, bên cạnh đó sức tiêu thụ của người dân giảm, giá nguyên liệu vật tư đầu vào tăng làm tăng giá thành sản phẩm, dẫn đến doanh thu từ hoạt động bán lẻ đạt thấp so với kế hoạch.

- Công tác ngân lưu tài chính còn nhiều khó khăn do chủ yếu nguồn doanh thu từ việc tiêu thụ rừng trồng. Việc huy động vốn đầu tư phát triển, nhất là các dự án kinh doanh thương mại như Khu trưng bày sản phẩm Km14, vườn ươm giống lâm nghiệp cây mô, trồng rừng gỗ lớn v.v. vẫn còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, Công ty trong thời gian qua phải nộp khoản tiền thuê đất hơn 08 tỷ đồng đối với diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại xã Sông Phan (cũ), nay là xã Tân Lập, tỉnh Lâm Đồng nhưng không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào, mặc dù Công ty đã nhiều năm kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét nhưng chưa được giải quyết dứt điểm gây ảnh hưởng rất lớn đến công tác tài chính.

- Công tác liên kết, liên doanh, hợp tác đầu tư, giao khoán theo Nghị định 135/NĐ-CP (nay là Nghị định 168/NĐ-CP) toàn Công ty đến nay mặc dù đã góp phần tạo doanh thu Công ty hàng năm. Tuy nhiên, có một số đơn vị đầu tư chưa đạt được hiệu quả cao theo kỳ vọng, nhất là các đối tác, đơn vị trồng cao su do những năm qua do thời tiết nắng nóng cục bộ gây thiệt hại một số vườn cây cao su chết đứng phải thanh lý để chuyển sang trồng loài cây khác phù hợp đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cây dẫn đến năng suất không cao.

- Công tác Tái cơ cấu lại doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án Tái cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định 2484/QĐ-UBND ngày 23/11/2022. Tuy nhiên, đến nay kết quả chưa cao do nhiều khó khăn, vướng mắc về nguồn vốn đầu tư, hồ sơ pháp lý liên quan. Trong đó, công tác hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai còn bị động trong công tác phê duyệt, cấp GCNQSDĐ, các quyết định của cấp thẩm quyền để triển khai thực hiện. Đồng thời, việc đầu tư theo các giải pháp công nghệ còn hạn chế, công tác huy động nguồn vốn từ các đối tác bên ngoài chưa phát huy do các nhà đầu tư chưa rõ các chính sách trong công tác hình thành Công ty hai thành viên trong thời gian tới.

2.3. Tồn tại, hạn chế

Hạn chế nhất định đối với các diện tích rừng tự nhiên giai đoạn 2021-2025 hơn 3.000 ha, chiếm 16% /tổng diện tích quản lý, đối với diện tích này hàng năm Công ty phải chịu một khoản kinh phí khá lớn để quản lý bảo vệ rừng từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và phải nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo cơ quan Thuế, trong khi Nhà nước chỉ hỗ trợ hàng năm được một phần kinh phí trực tiếp cho các hộ đồng bào giao khoán (theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận) và kinh phí dịch vụ môi trường rừng.

Mặt khác, các văn bản pháp luật hiện hành như Luật đất đai năm 2024; Luật Lâm nghiệp năm 2017 vẫn còn nhiều khó khăn trong việc xác định đối tượng thuê đất, giao đất là đất rừng tự nhiên xen kẽ trong đất sản xuất kinh doanh nên hàng năm Công ty phải trả tiền thuê đất trong khi không phát sinh bất kỳ một hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ có nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng.

Một số tồn tại tài chính tại xí nghiệp chế biến gỗ Phan Thiết theo Kết luận Thanh tra vẫn chưa tháo gỡ, bên cạnh đó, công tác xử lý một số trường hợp không phù hợp đối tượng giao khoán vẫn còn đang xử lý dở dang v.v

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2021-2025.

3.1. Căn cứ pháp lý thực hiện:

- Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm (2021-2025) của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận.

- Quyết định số 2045/UBND-KT ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v thống nhất kế hoạch tài chính năm 2021 của các Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn nhà nước.

- Quyết định số 3661/UBND-KT ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v kế hoạch tài chính năm 2022 của các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước.

- Quyết định số 4419/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v kế hoạch tài chính năm 2023 của các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước.

- Quyết định số 1141/UBND-KT ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v kế hoạch tài chính năm 2024 của các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước.

- Quyết định số 4248/UBND-KT ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v kế hoạch tài chính năm 2025 của các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước; Quyết định số 2870/UBND-KT ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v thống nhất điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bình Thuận và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.

3.2. Kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2021-2025.

3.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu.

Biểu số 01

STT	Các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025
1	Sản phẩm mộc	SP	1.630	1.587	1.003	1.042	636
2	Rừng trồng	Ha	1.121,19	1.136,35	1.109,98	865,91	946,93
3	Gỗ nguyên liệu từ rừng trồng	Ha	1.067,91	1.079,20	1.022,13	848,82	1.004,72

3.2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu doanh thu chủ yếu.

Biểu số 02

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025
1	Vốn chủ sở hữu (400)	Triệu đồng	113.292	114.816	116.613	117.442	117.442
2	Doanh thu từ sản phẩm mộc		5.822	4.822	3.133	3.719	2.272
3	Doanh thu từ Gỗ nguyên liệu từ rừng trồng		54.542	51.465	60.480	72.465	79.435
4	Tổng doanh thu sản phẩm chủ yếu		60.364	56.287	63.613	76.184	81.707
5	Tổng doanh thu		63.858	58.669	69.566	79.536	89.295
6	Nộp ngân sách		4.877	5.895	5.161	13.960	14.425
7	Thu nhập Bình quân		9,823	9,728	11,5	11,063	14,890
8	Lợi nhuận trước thuế		4,827	5,237	5,297	5,992	7,482

9	Lợi nhuận sau thuế		3.351	4.181	4.229	3.957	6.075
10	Tỷ suất lợi nhuận (ROE)	%	2,96	3,64	3,63	3,37	5,17

- Năm 2021: Doanh thu thực hiện: 63,858 tỷ đồng/62,014 tỷ đồng (đạt 102,97% so với kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế: 4,827 tỷ đồng/ 4,014 tỷ đồng (đạt 120,25% so với kế hoạch); Nộp ngân sách: 4,877 tỷ đồng/5,484 tỷ đồng (đạt 88,93% so với kế hoạch, do nhà nước giảm thuế 30%).

- Năm 2022: Doanh thu thực hiện: 58,669 tỷ đồng/62,748 tỷ đồng (đạt 93,50% so với kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế: 5,237 tỷ đồng/4,346 tỷ đồng (đạt 120,5% so với kế hoạch); Nộp ngân sách nhà nước: 5,895 tỷ đồng/5,550 tỷ đồng (đạt 106,22% so với kế hoạch).

- Năm 2023: Doanh thu thực hiện: 69,566 tỷ đồng/63,013 tỷ đồng (đạt 110,4% so với kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế: 5,297 tỷ đồng/4,413 tỷ đồng (đạt 120,03% so với kế hoạch); Nộp ngân sách nhà nước: 5,161 tỷ đồng/5,550 tỷ đồng (đạt 92,99% so với kế hoạch, do nhà nước giảm thuế 30%)

- Năm 2024: Doanh thu thực hiện: 79,536 tỷ đồng/63,966 tỷ đồng (đạt 124,34% so với kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế: 5,992 tỷ đồng/ 4,670 tỷ đồng (đạt 128,31 % so với kế hoạch); Nộp ngân sách: 13,960 tỷ đồng/5,570 tỷ đồng (đạt 250,63 % so với kế hoạch, do phát sinh khoản tiền thuê đất Sông Phan).

- Năm 2025: Doanh thu thực hiện: 89,295 tỷ đồng/85,907 tỷ đồng (đạt 103,94% so với kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế: 7,482 tỷ đồng/6,480 tỷ đồng (đạt 115,46 % so với kế hoạch); Nộp ngân sách: 14,425 tỷ đồng/7,222 tỷ đồng (đạt 199,74 % so với kế hoạch, do tiếp tục phát sinh khoản tiền thuê đất Sông Phan).

* Tốc độ tăng trưởng kép bình quân giai đoạn 2021-2025.

Biểu số 03

S T T	Thực hiện	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tốc độ tăng trưởng BQ kép giai đoạn (2021-2025)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	63,858	58,669	69,566	79,536	89,295	8,7%
2	Lợi nhuận sau thuế		4,827	5,237	5,297	5,992	7,482	11,6%
3	Nộp ngân sách		4,877	5,895	5,161	13,960	14,425	31,1%

3.2.3. Thực hiện quỹ tiền lương.

Biểu số 04

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2021	2022	2023	2024	2025
I	Hạng công ty được xếp		I	I	I	I	I
II	Tiền lương của người lao động						
1	Tổng số lao động	Người	195	190	180	176	166
	Tổng số lao động (bao gồm Ban điều hành)	Người					170
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	8.155	8.854	8.918	10.078	12.234
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	19.083	20.188	19.370	21.186	26.427
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	2.340	2.523	2.692	2.619	3.303
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	9,823	9,728	11,5	11.063	14,890
III	Tiền lương của người quản lý						
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	5	5	5	5	1
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	24,000	24,000	23,833	24,114	36,42
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	1.498	1.589	1.846	2.008	1.048,4
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	24,960	26,489	26,349	37,849	87,4
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	123,000	132,44	130,45	123,25	106,977
6	Mức thu nhập bình quân	Tr.đồng/tháng	27,017	28,691	28,251	40,182	96,315
IV	Tiền lương của kiểm soát viên chuyên trách						
1	Số người	Người	1	1	1	1	1
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	23,000	24,000	24,000	24,000	30,42
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	287,034	327,785	318,401	452,045	876,00
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	23,920	27,315	26,533	37,670	73,00
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	23,000	22,55	22,55	27,75	89,352
6	Mức thu nhập bình quân	Tr.đồng/tháng	25,836	29,195	28,413	39,983	80,446

3.2.4. Kết quả thực hiện các nghĩa vụ (đã nộp) ngân sách nhà nước giai đoạn năm 2021-2025.

Biểu số 05

STT	Danh mục	ĐVT	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025
1	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.366	292	1.200	1.413	1.546
2	Thuế GTGT	Triệu đồng	411	116	226	673	204
3	Thuế TNCN	Triệu đồng	288	147	62	70	48
4	Tiền thuê đất	Triệu đồng	2.566	3.803	2.314	9.851	9.435
5	Thuế môn bài, khác	Triệu đồng	98	46	547	32	75
6	Nộp lợi nhuận còn lại	Triệu đồng	-	-	-	188	-
	Tổng cộng		4.729	4.404	4.349	12.227	11.308

* *Nhận xét, đánh giá:* Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2021-2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính nộp ngân sách nhà nước theo quy định, tổng số tiền đã nộp: **37.017 triệu đồng**; Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong công tác ngân lưu tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh do phát sinh khoản nộp tiền thuê đất rừng tự nhiên tại Sông Phan từ năm 2013 đến 2024 hơn 08 tỷ đồng nằm ngoài dự kiến và đơn giá thuê đất tăng trong năm 2024.

3.2.5. Đầu tư và phát triển giai đoạn năm 2021-2025.

Biểu số 05

S T T	Danh mục dự án	ĐVT	Giá trị (GT) thực hiện của kỳ kế hoạch						Ghi chú
			Tổng	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Nhà máy sản xuất ván nhân tạo.	Tỷ đồng	180	120	60				Chưa thực hiện
2	Dự án vườn ươm giống, cấy mô và nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	10	4	3	3			Đã thực hiện đạt 30% GT
3	Xây dựng Nhà trưng bày và đầu tư xây dựng các công trình làm việc các đơn vị cơ sở.	Tỷ đồng	6	4	2				Đã thực hiện 30% GT
4	Sửa chữa nâng cấp ST 509	Tỷ đồng	3	3					chưa thực hiện
5	Xây dựng Trung tâm phân phối gỗ nguyên liệu và sp nội thất (km 14)	Tỷ đồng	9		5	4			Chưa thực hiện

6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ	Tỷ đồng	10	6	4				Đã thực hiện đạt 5% GT
7	Nhà máy chế biến gỗ Tân Thắng	Tỷ đồng	20			15	5		Chưa thực hiện
8	Duy trì chứng chỉ rừng FSC	Tỷ đồng	5	1	1	1	1	1	Đang thực hiện hàng năm
9	Lập bản đồ địa chính cấp giấy CNQSDĐ	Tỷ đồng	2			1	0,5	0,5	Đang thực hiện
10	Xây dựng đường lâm nghiệp (Sỏi đỏ)	Tỷ đồng	5	1	1	1	1	1	Chưa thực hiện
11	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn	Tỷ đồng	5	1	1	1	1	1	Đang thực hiện hàng năm
12	Đầu tư cải tạo rừng trồng Bạch đàn tái sinh	Tỷ đồng	15	5	5	5			Đã thực hiện
Tổng cộng			270	145	82	31	8,5	3,5	

4. Đánh giá kết quả SXKD thực hiện 05 năm giai đoạn 2021-2025:

4.1. Đối với công tác quản lý đất đai, bảo vệ rừng: Công ty luôn chủ động đề ra những phương án, giải pháp để bảo vệ quỹ đất, nâng cao tỷ lệ sử dụng đất. Tổng diện tích quản lý, bảo vệ là **18.838,17 ha** bao gồm rừng trồng và **3.072,11 ha** rừng tự nhiên. Phối hợp thực hiện quy chế giữa chủ rừng, chính quyền địa phương và các ngành chức năng liên quan như Hạt Kiểm lâm, CA xã v.v trên địa bàn dự án. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện mô hình lâm nghiệp xã hội khoán bảo vệ rừng theo Nghị định 168/NĐ-CP hơn 90 hộ, hàng năm nâng cao thu nhập, công ăn việc làm cho người dân, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng xa, vùng sâu như tại xã Sông Phan, Hàm Cẩn v.v. Bước đầu đánh giá kết quả khả quan về việc thực hiện mô hình này về nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên, ổn định an ninh xã hội các khu vực dự án trồng rừng, giảm tình trạng lấn chiếm đất trái phép, phá rừng trái pháp luật v.v. Từ đó, hình thành các vệ tinh tham gia quản lý các khu vực vùng ven để tạo trách nhiệm cộng đồng, bước đầu đánh giá có hiệu quả và được sự ủng hộ của các ngành, địa phương.

4.2. Công tác cấp đổi, cấp mới giấy CNQSDĐ: Thực hiện chủ trương theo Quyết định 708/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Thiết kế Kỹ thuật – Dự toán đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc giới sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Công ty đã tiến hành xong các thủ tục cấp đổi, cấp mới nộp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận - Sở NNMT Bình Thuận, chờ các cơ quan chuyên môn rà soát hiện trạng, trình các cấp có thẩm quyền có ý kiến để phê duyệt cấp mới, cấp đổi Giấy CNQSDĐ. Cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đề nghị cấp GCNQSD đất: **14.383,95 ha**, trong đó:
- + Diện tích đề nghị cấp đổi năm 2020 là: 12.105,22 ha;
- + Diện tích đề nghị Cấp mới năm 2020 là: 2.278,73ha.

4.3. Công tác trồng rừng, chăm sóc rừng: Công ty xác định rõ trồng rừng là nhiệm vụ hàng đầu trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng năm, căn cứ theo kế hoạch được duyệt của UBND tỉnh, Công ty đã chủ động phân khai kế hoạch trồng rừng để đảm bảo kế hoạch đề ra, bình quân: từ 850 ha đến hơn 1000 ha rừng trồng. Đặc biệt, Công ty luôn tìm kiếm các giải pháp thâm canh nhằm nâng cao chất lượng rừng trồng, giảm chi phí đầu tư nhằm tăng năng suất, hiệu quả kinh tế trên diện tích đầu tư. Công ty đã chủ động liên kết các Viện khoa học lâm nghiệp, đơn vị có năng lực, trồng thử nghiệm các mô hình giống cây lâm nghiệp để chọn lựa các loại tối ưu nhất về chất lượng sản phẩm rừng, nhất là khâu gieo ươm ngày càng được chú trọng công tác chọn lọc cây đầu dòng chất lượng cao.

Năng suất sản lượng bình quân: từ 90-140 m³/ha đối với keo lai, từ 35-45 m³/ha đối với Bạch đàn, BĐ TSC. Bên cạnh đó, Công ty chọn lựa các khu vực thổ nhưỡng phù hợp để đầu tư trồng rừng gỗ lớn, chuyển hoá rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn từ 7 - 9 năm tuổi nhằm tăng giá trị rừng trồng. Tổng diện tích rừng gỗ lớn đến nay Công ty đã thực hiện 38 ha đối với keo lai tại khu vực Hàm Tân. Sản lượng bình quân đạt được 240-250m³/ha/ 8- 9 năm. Do đó, hàng năm, Công ty chủ động phân khai kế hoạch khai thác hàng năm nhằm phân bổ để kéo dài chu kỳ sinh trưởng nhằm nâng cao hiệu quả rừng trồng.

** Năm 2021: trồng rừng 1.121,19 ha; Năm 2022: trồng rừng 1.136,35 ha; Năm 2023: trồng rừng 1.109,98 ha; Năm 2024: trồng rừng 865,91 ha; thực hiện năm 2025: 946,93 ha.*

** Tổng diện tích đầu tư gỗ lớn: 38 ha (năm 2021-2024).*

4.4. Công tác khai thác rừng trồng, tiêu thụ rừng trồng: Hàng năm, Công ty khai thác và tiêu thụ bình quân gần 1.000 ha rừng trồng/năm bao gồm keo lai, bạch đàn, BĐ TSC, tổng sản lượng bình quân từ 50.000 – 80.000 m³/tổng diện tích khai thác gỗ rừng trồng, chủ yếu là keo lai và bạch đàn trên diện tích đầu tư sản xuất. Đây là nguồn doanh thu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng doanh thu từ năm 2021-2025 thực hiện đạt hơn: 318 tỷ đồng/5.023ha.

** Nhận xét, đánh giá:* Đến nay, Công ty chủ yếu tiêu thụ rừng trồng theo dạng bán cây đứng thông qua hình thức đấu giá theo đơn giá thị trường, không qua chế biến gỗ. Do đó, việc nâng cao chuỗi giá trị rừng trồng chưa được phát huy tốt nhất. Giá trị đầu tư có hiệu quả cao chủ yếu các khu vực đất đai có thổ nhưỡng khí hậu tốt như tại khu vực Hàm Tân, La Gi năng suất BQ từ 120-140 m³/ha đối với keo lai chu kỳ 5 năm, đơn giá bình quân: từ 100-130 triệu đồng/ha. Riêng đối với khu vực huyện Bắc Bình (cũ) và huyện Hàm Thuận Nam (cũ) đất đai khô cằn, cazan nên năng suất rừng trồng thấp từ 35-45 m³/ha, đơn giá bình quân từ 25-30 triệu đồng/ ha đối với bạch đàn, keo lai từ 40-50 triệu đồng/ha.

Riêng, công tác đầu tư trồng gỗ lớn, chuyển hoá rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn có quy mô diện tích thấp so với quy mô diện tích trồng rừng theo chu kỳ hàng năm do nhu cầu xoay nguồn vốn. Bên cạnh đó, giá nguyên liệu gỗ rừng trồng diễn biến theo thị trường, chưa ổn định đầu ra, nhất là giai đoạn đại dịch Covid-19 có những diễn biến phức tạp, khó lường trong tác động chung của thị trường thế giới. Đồng

thời, một số khu vực rừng trồng như tại Hàm Thuận Nam (cũ), Bắc Bình (cũ) có đất đai thổ nhưỡng bạc màu, caзан, đồi đá dẫn đến chất lượng rừng trồng có sản lượng thấp, có nơi từ 20 -25/m³/ha đối với BĐ-BĐ-TSC dẫn đến hiệu quả đầu tư sinh lời chưa cao.

4.5. Công tác chế biến gỗ, dịch vụ: Mặc dù vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thị trường đồ gỗ chịu rất nhiều cạnh tranh khốc liệt, nhất là giai đoạn đại dịch Covid-19 làm doanh thu sụt giảm sâu do thị trường giảm sức mua. Bên cạnh đó, máy móc thiết bị từ năm 1992 đến nay đã lạc hậu, cũ kỹ dẫn đến năng suất thấp, chi phí sản xuất tăng cao như nguyên vật liệu dẫn đến hiệu quả còn rất hạn chế, không đảm bảo doanh thu theo kế hoạch đề ra hàng năm. Tuy nhiên, hoạt động này cũng đã đóng góp 9-10 % tổng doanh thu toàn Công ty, tạo công ăn việc cho NLĐ và giữ vững thương hiệu đồ gỗ Lâm nghiệp Bình Thuận trong những thời điểm khó khăn nhất định góp phần phân phối sản phẩm mộc đến người tiêu dùng hiệu quả. Thời gian qua, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu hoạt động này, ngoài ra việc quản lý sử dụng quản lý 01 hệ thống Siêu thị đồ gỗ tại trung tâm thành phố Phan Thiết (cũ) và Cửa hàng Bắc Phan Thiết để trưng bày và tiêu thụ sản phẩm. Qua đánh giá biểu chỉ tiêu đã thực hiện, hàng năm đạt từ 40 đến 70% kế hoạch được giao do yếu tố thị trường.

4.6. Công tác liên kết, liên doanh, hợp tác đầu tư: Hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư: Tổng diện tích thực hiện: 4.289,97 ha, bao gồm: 14 tổ chức kinh tế và 62 cá nhân.

* *Đánh giá chung:* Đến nay, hầu hết các đơn vị liên kết, liên doanh, hợp tác đầu tư đều ổn định trong công tác quản lý, sử dụng đất đai hiệu quả và đã đạt một số kết quả nhất định, góp phần tạo doanh thu cho Công ty. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại, khó khăn trong công tác quản lý đất đai tại Kết luận số 1149/KL-UBND về việc hợp tác đầu tư giữa Công ty Lâm nghiệp Bình Thuận và Công ty TNHH Hoàng Linh. Một số đơn vị thiếu năng lực tài chính đầu tư và công nợ kéo dài gây khó khăn trong công tác quyết toán tài chính công ty. Công ty từng bước phối hợp tháo gỡ xử lý nhằm hoàn thiện quản lý trong thời gian tới.

4.7. Công tác đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025:

- *Đánh giá kết quả thực hiện:* về đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025, cơ bản Công ty đã triển khai khá đồng bộ các dự án theo phân khai giá trị thực hiện kỳ kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025. Trong đó, tập trung một số công trình cấp thiết phục vụ sản xuất kinh doanh như tháp canh lửa, xây dựng nhà công vụ, căn tin và sửa chữa nâng cấp các văn phòng xí nghiệp trực thuộc v.v.. với tổng mức đầu tư hơn 05 tỷ đồng. Công ty đã đầu tư cải tạo các lô rừng trồng lão hoá hơn 600 ha, chi phí đầu tư gần 4 tỷ đồng. Các nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung chủ yếu từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và quỹ đầu tư phát triển. Bước đầu đánh giá có hiệu quả và đã đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, việc cải tạo rừng trồng lão hoá đến nay diện tích này bước đầu đánh giá có hiệu quả rừng sinh trưởng phát triển tốt, ít sâu bệnh. Các công trình phục vụ QLBR như tháp canh lửa đã phát huy hiệu quả cao trong việc PCCCR mùa khô, đảm bảo phát hiện kịp thời không để xảy ra cháy rừng v.v. Đối với việc đầu tư chuyển hoá

rừng gỗ nhỏ thành gỗ lớn chu kỳ 8-9 năm tuổi Công ty đã đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, qua kết quả đánh giá hiệu quả cao, năng suất từ 170-180 m³/ha, giá bán từ 240-250 triệu đồng/ha tại khu vực Hàm Tân.

- Về hạn chế: Một số hạng mục đầu tư phát triển theo giá trị phân khai chưa thể thực hiện được do còn vướng các thủ tục pháp lý đất đai, hồ sơ điều chỉnh dự án và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch tổng thể v.v. như Dự án vườn ươm giống, khu trưng bày sản phẩm, nhà máy chế biến gỗ v.v. mặc dù, các dự án này Công ty đã xây dựng và được UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt tại Đề án Tái cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định 2484/QĐ-UBND ngày 23/11/2022. Bên cạnh đó, Công ty phải cân đối nguồn vốn đầu tư hợp lý từ các nguồn để đảm bảo chi phí sản xuất thường xuyên và các dự án cấp thiết phục vụ sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục trình các cấp thẩm quyền để hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai, đảm bảo thủ tục pháp lý và sử dụng nhiều giải pháp tài chính để tiếp tục đầu tư phát triển đúng kế hoạch phê duyệt định hướng của chủ sở hữu trong giai đoạn 2026-2030 để phát triển nhanh kế hoạch đề ra.

4.8. Phương án sắp xếp chuyển đổi công ty theo Nghị định 118/NĐ-CP:

Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 và Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất tại Công văn 2095/TTg-ĐMDN ngày 16/11/2015 V/v thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên sau khi sắp xếp Công ty Lâm nghiệp Bình Thuận, Hàm Tân đến nay vẫn chưa hoàn thiện để phê duyệt Đề án do nhiều yếu tố khách quan, chủ quan, trong đó việc tìm kiếm thành viên thứ hai có các tiêu chí phù hợp theo quy định rất khó khăn. Trước tháng 7/2025 (*thời điểm trước hợp nhất*), Công ty đã trình Phương án sáp nhập 02 doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Dinh vào Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận theo chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Thuận tại Công văn số 4845/UBND-NCKSTTHC ngày 23/12/2024 V/v triển khai các công việc liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 18-NQ/TW để cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo.

4.9. Chứng chỉ rừng FSC(FM/CoC): Công ty đã được tiếp tục duy trì năm thứ 7 chu kỳ 2 chứng chỉ rừng (FM/CoC) với diện tích **10.544,59 ha** (*trong đó, có 8.856,88 ha rừng trồng*) đã góp phần vào hiệu quả SXKD khá tốt, nhất là nguyên liệu rừng trồng có chứng chỉ FSC (FM/CoC) đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước, tăng thêm giá trị rừng trồng của Công ty.

4.10. Công tác xã hội hoá lâm nghiệp: Thực hiện thành công mô hình lâm nghiệp xã hội bằng hình thức giao khoán bảo vệ rừng ưu tiên cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các khu vực vùng ven rừng để tăng trách nhiệm cộng đồng, an sinh xã hội, bước đầu đánh giá có hiệu quả và được sự ủng hộ của các cấp chính quyền định phương. Trong đó, tổ chức giao khoán QLBRV cho 90 hộ dân/2.771,53 ha là đồng bào dân tộc thiểu số và hộ dân sinh sống gần rừng của Công ty (trong đó có 54 hộ đồng bào dân tộc thiểu số được giao khoán theo Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết 19/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân

dân tỉnh Bình Thuận cũ (nay là tỉnh Lâm Đồng): Về Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030).

4.11. Công tác an sinh, xã hội: Thực hiện đóng các khoản bảo hiểm đúng theo quy định. Duy trì mua bảo hiểm nhân thọ theo chính sách cho những người có thời gian làm việc tại Công ty từ 10 năm trở lên (107/173 CBCNV). Tiếp tục rà soát lại chương trình 135 (nay là 168) để giao khoán đất trồng rừng cho CBCNV.

4.12. Phong trào thi đua ý tưởng, sáng kiến: Kết quả có nhiều ý tưởng, sáng kiến về lĩnh vực lâm nghiệp đã đưa vào áp dụng như phương pháp cào lá rụng mùa khô tại khu vực Hàm Tân v.v. đã tiết kiệm chi phí đầu tư khá nhiều so với trước khi chưa áp dụng. Đồng thời, một số sáng kiến đã được Hội đồng Công ty ghi nhận và đang biên tập hoàn thiện để đưa vào áp dụng trong thời gian tới.

*** Đánh giá chung:** Công ty là một doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, với những kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 như trên đã hoàn thành nhiệm vụ được giao UBND tỉnh: Trong đó, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước hầu như vượt kế hoạch hàng năm được giao. Đồng thời, thực hiện đầy đủ các chính sách Nhà nước quy định về các chế độ người lao động, CB-CNV như khám sức khỏe định kỳ, ốm đau, thai sản v.v. đời sống CB-CNV, Người lao động ngày càng khởi sắc đã góp phần ổn định an sinh, xã hội địa phương, phát triển kinh tế xã hội nói chung và tỉnh nhà nói riêng. Bên cạnh các kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn nhất định trong bối cảnh tình hình thị trường có nhiều động do tác động của tình hình thế giới, tình trạng lấn chiếm đất trái phép thuộc lâm phận quản lý Công ty vẫn còn xảy ra một số khu vực nóng đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh Công ty kỳ kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.

Tuy nhiên, với sự đoàn kết, chung sức, chung lòng, quyết tâm cao và những nỗ lực của lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV đã tích cực đề ra các giải pháp từng bước vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được UBND tỉnh giao.

PHẦN THỨ HAI

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 -2030

I. MỤC TIÊU CHUNG: Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận nhằm định hướng và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư phát triển của Công ty 05 năm tới và làm căn cứ để lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và ngành trên địa bàn của tỉnh.

- *Tầm nhìn sứ mệnh:* Đến năm 2030, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận sẽ là Công ty có thương hiệu mạnh trong lĩnh vực lâm, nông nghiệp tạo chuỗi giá trị từ gieo ươm - trồng rừng - khai thác - chế biến - dịch vụ trên cơ sở phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế lâm nông nghiệp và chế biến dịch vụ gắn với lợi ích hài hoà giữa doanh nghiệp và cộng đồng, an sinh xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- Quản lý và bảo vệ rừng trồng, rừng tự nhiên, bảo vệ đất đai đã được nhà nước cho thuê và giao theo các hợp đồng thuê đất trên toàn bộ diện tích quản lý **18.838,67 ha** trên cơ sở Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững được cấp thẩm quyền phê duyệt trước giai đoạn 2026-2030. Dự kiến, sau khi phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty năm 2026, diện tích đất quản lý là 15.757,81ha sau khi trừ đi phần diện tích dân đang sử dụng 3.080,86 ha trả về địa phương quản lý.

- Công ty tập trung kinh doanh trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng, cao su hiệu quả theo kế hoạch hàng năm, áp dụng chứng chỉ rừng FSC góp phần bảo vệ môi trường bền vững. Bên cạnh đó, việc chế biến gỗ, kinh doanh dịch vụ, sản xuất cây giống lâm nghiệp góp phần tạo doanh thu hàng năm cho Công ty.

- Hợp tác, liên kết để xây dựng nhà máy chế biến từ nguồn gỗ rừng trồng hiện có của Công ty để phát huy hiệu quả chuỗi giá trị từ rừng trồng.

- Tập trung đào tạo, đào tạo lại nhằm tạo một hệ thống đội ngũ đủ tầm để phát triển chiến lược đề ra.

III. CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030.

1. Các chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Biểu số 06

STT	Chỉ tiêu sản xuất	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Trồng rừng	ha	1.252,92	965,64	992,63	645,70	665,36
1.1	Vốn Công ty	ha	569,54	223,08	421,61	592,30	500,32
1.2	Vốn trồng rừng thay thế	ha	500,00	500,00	500,00		

1.3	HTĐT-Giao khoán	ha	183,38	242,56	71,02	53,40	165,04
2	Chăm sóc rừng	ha	10.100,11	10.100,11	10.100,11	10.100,11	10.100,11
3	Quản lý BVR	ha	18.836,17	18.836,17	18.836,17	18.836,17	18.836,17
3.1	Rừng tự nhiên	ha	3.072,11	3.072,11	3.072,11	3.072,11	3.072,11
3.2	Rừng trồng và đất chưa có rừng	ha	15.764,06	15.764,06	15.764,06	15.764,06	15.764,06
4	KH Khai thác (theo doanh thu)	ha	989,87	1.329,80	992,10	1.340,12	1.233,55
4.1	Vốn Công ty đầu tư 100%	ha	929,65	1.280,60	976,36	1.322,04	1.210,49
4.2	Diện tích thụ hưởng HTĐT-GK	ha	60,22	49,20	15,74	18,08	23,06

(Đối với mục Quản lý BVR: Chỉ tính diện tích quản lý tại 03 XN Lâm nghiệp, chưa bao gồm 2,5 ha khu vực Phan Thiết)

- Tổng diện tích quản lý bảo vệ rừng giai đoạn: 2026-2030: 18.836,17 ha.

- Bảo vệ rừng tự nhiên: 3.072,11 ha

- Tổng diện tích chăm sóc, bảo vệ rừng trồng: 10.100,11 ha.

- Tổng diện tích trồng rừng 05 năm giai đoạn 2026-2030 ước thực hiện: 4.468,03 ha, trong đó: Trồng rừng thay thế (dự án hồ chứa nước Ka pét, nguồn vốn từ Quỹ bảo vệ phát triển rừng): 1.500 ha; Trồng rừng từ nguồn vốn tự có của Công ty và vốn huy động: 2.968,03 ha, phân chi tiết từng năm: Năm 2026: 1.252,92 ha; Năm 2027: 965,64 ha; Năm 2028: 992,63 ha; Năm 2029: 645,70 ha; Năm 2030: 665,36 ha.

- Tổng diện tích khai thác gỗ rừng trồng ước thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026-2030: 5.885,44 ha, bao gồm: Nguồn vốn Công ty: 5.063,45 ha; vốn HTĐT, Giao khoán: 821,92 ha. Trong đó phân bổ thực hiện các năm sau:

+ Năm 2026: 989,87 ha; Năm 2027: 1.329,80 ha; Năm 2028: 992,10 ha; Năm 2029: 1.340,12 ha; Năm 2030: 1.233,55 ha.

2. Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập bình quân:

Biểu số 07

S T T	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030
1	Doanh thu hằng năm	Tỷ đồng	93,850	99,000	104,400	110,140	116,200
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	9,990	10,540	11,120	11,730	12,375
3	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	14,788	14,898	15,014	15,136	15,265
4	Tổng số lao động – ban điều hành	Người	180	181	182	183	184
5	Thu nhập BQ triệu đồng/người/tháng	Triệu đồng	19,397	20,602	21,446	22,334	23,266

3. Các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu kế hoạch giai đoạn 2026-2030:

Biểu số 08

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu						
	- Sản phẩm mộc	SP	840	887	934	987	1.036
	- Rừng trồng	Ha	989,87	1.329,80	992,10	1.340,12	1.233,55
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	93,850	99,000	104,400	110,140	116,200
2.1	Doanh thu rừng trồng	Tỷ đồng	83,940	88,683	93,654	92,337	95,507
2.2	Doanh thu chế biến gỗ	Tỷ đồng	3,000	3,165	3,339	3,523	3,699
2.3	Doanh thu nông nghiệp, cao su, khác	Tỷ đồng	4,400	4,642	4,897	11,770	14,484
2.4	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,010	0,010	0,010	0,010	0,010
2.5	Doanh thu khác	Tỷ đồng	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5

IV. CƠ SỞ XÂY DỰNG VÀ THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030.

- Căn cứ Công văn 2910/VPCP-DNDN ngày 07/4/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu tăng trưởng đối với doanh nghiệp nhà nước và Công văn số 393/STC-PTDN ngày 14/01/2026 của Sở Tài chính Lâm Đồng, theo đó, các chỉ tiêu năm 2026 phải đảm bảo tăng trưởng so với kế hoạch năm 2025: Đối với ngành nông, lâm thủy sản là 5,1%/năm và các chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030 phải đảm bảo tăng trưởng đối với ngành nông, lâm, thủy sản là 5,5%/năm.

- Đối chiếu các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2026-2030 tại (Biểu 07) và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, thể hiện được:

STT	Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu	Năm 2025	Năm 2026	%So với KH 2025	Năm 2027	%So với KH 2026
1	Doanh thu (tỷ đồng)	85,907	93,850	109,24	99,000	105,49
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	6,480	9,990	154,17	10,540	105,51

STT	Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu	Năm 2028	%So với KH 2027	Năm 2029	% So với KH 2028	Năm 2030	%So với KH 2029
1	Doanh thu (tỷ đồng)	104,400	105,45	110,140	105,5	116,200	105,5
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	11,120	105,5	11,730	105,5	12,375	105,5

- Qua bảng phân tích các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030 và đối chiếu kết quả chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện năm 2025. Công ty xây dựng mức tăng trưởng năm 2026 so với năm 2025 là 9,24 % (mức tăng tối thiểu 5,1% theo yêu cầu của UBND tỉnh Lâm Đồng). Từ năm 2026- 2030, mức bình quân tăng trưởng hằng

năm là 5,5% là phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty và định hướng phát triển của Nhà nước.

- Để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty đã căn cứ các nguồn doanh thu chủ yếu trên cơ sở nguồn lực có sẵn và tiên lượng diễn biến đơn giá thị trường các sản phẩm chủ yếu như sau:

+ *Doanh thu gỗ rừng trồng*: Cân đối tăng diện tích tiêu thụ rừng trồng để đảm bảo nguồn doanh thu chủ lực, trong đó, bố trí các lô rừng dự phòng và phương án rừng chuyển hóa gỗ nhỏ thành gỗ lớn chu kỳ từ 8-9 năm để xây dựng kế hoạch tiêu thụ trong giai đoạn 2026-2030. Tổng doanh thu từ nguồn sản phẩm chủ lực từ rừng trồng dự kiến thực hiện là: 523,68 tỷ đồng/ 5.885 ha (chủ yếu gồm keo lai, bạch đàn và cao su thanh lý), đơn giá bình quân dự kiến keo lai từ 90 triệu đồng/ha – 130 triệu đồng/ha; Bạch đàn từ 35-50 triệu đồng/ha, tùy theo khu vực và chu kỳ khai thác.

+ *Về chế biến gỗ*: Qua đánh giá kết quả doanh thu kỳ kế hoạch năm 2021-2025, doanh thu thực hiện bình quân đạt 3,954 tỷ đồng/năm, biên độ doanh thu giảm dần hàng năm do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó, sự cạnh tranh khốc liệt từ thị trường sản phẩm mộc giá rẻ nội địa. Bên cạnh đó, máy móc thiết bị sản xuất tại Xí nghiệp chế biến gỗ Phan Thiết lạc hậu, cũ kỹ dẫn đến không đảm bảo sự cạnh tranh về giá thành do năng suất thấp, giá nguyên liệu, vật tư đầu vào luôn tăng dẫn đến chi phí cao, lợi nhuận giảm. Đồng thời, công tác Marketing chưa phát huy trong việc quảng bá thương hiệu, tìm kiếm khách hàng, công tác hậu mãi, khuyến mại v.v. Qua tiên lượng trong thời gian tới thị trường tiêu thụ sản phẩm mộc Công ty còn nhiều khó khăn, nhất là sức mua giảm sâu. Từ đó, Công ty ước thực hiện kế hoạch doanh thu bình quân 3 - 3,6 tỷ đồng/năm theo kỳ kế hoạch 2026-2030. Sau khi thực hiện Phương án sắp xếp, đổi mới theo chỉ đạo của Chính phủ, Công ty sẽ tiếp tục tái cơ cấu đầu tư phát triển đa sản phẩm nhằm mở rộng thị trường trong, ngoài nước và điều chỉnh kế hoạch phù hợp theo từng giai đoạn.

+ *Về các chỉ tiêu doanh thu nông nghiệp, cao su, chỉ tiêu khác*: Bình quân doanh thu từ 4,4 – 4,8 tỷ đồng/năm, chủ yếu từ hoạt động trồng nông nghiệp, thu hoạch mủ cao su, cây giống và kinh phí QLVR tự nhiên v.v. Trong đó, Công ty sử dụng kết hợp trồng xen nông nghiệp dưới tán rừng năm thứ nhất của chu kỳ trồng rừng, mỗi năm dự kiến trồng từ 50-100 ha gồm mì và bí. Tuy nhiên, hoạt động này không ổn định do còn bị động nhiều yếu tố, trong đó quan trọng là tiến độ xử lý thực bì phải kịp thời vụ, thời tiết để đạt năng suất. Bên cạnh đó, hiệu quả lợi nhuận còn phụ thuộc giá cả thị trường thay đổi hàng năm do nhu cầu từng thời điểm. Đối với thu hoạch cao su hàng năm, doanh thu ổn định từ các đơn vị hợp tác đầu tư, vườn cao su Công ty giao khoán theo hợp đồng v.v. Từ năm 2029 đến 2030, dự kiến doanh thu từ 12-15 tỷ đồng/năm từ nguồn dịch vụ cây giống lâm nghiệp, dịch vụ khác v.v. do hiện nay Công ty đã đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư vườn giống lâm nghiệp bằng phương pháp cấy mô công suất từ 1,5-2 triệu cây giống/ 01 vườn và đến năm 2029-2030 sẽ tăng năng lực sản xuất và ổn định thu nhập từ 4-5 tỷ đồng/năm.

V. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUỸ TIỀN LƯƠNG 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

Căn cứ các quy định hiện hành, cơ cấu tổ chức và số CB-CNV-NLĐ, Ban điều hành và người đại diện chủ sở hữu trực tiếp hiện nay, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương 05 năm giai đoạn 2026-2030 như sau:

Biểu số 09

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Tiền lương của người lao động – Ban điều hành						
1	Tổng số lao động – Ban điều hành	Người	180	181	182	183	184
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	17.634	18.729	19.497	20.304	21.151
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	38.090	40.680	42.582	44.588	46.701
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động -BDH	Tr.đồng	3.809	4.068	4.258	4.459	4.670
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	19.397	20.602	21.446	22.334	23.266
II	Tiền lương của Chủ tịch công ty						
1	Chủ tịch công ty	Người	1	1	1	1	1
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng	37	42	42	42	42
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	888	1.008	1.008	1.008	1.008
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	74	84	84	84	84
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	88,8	100,8	100,8	100,8	100,8
6	Mức thu nhập bình quân	Tr.đồng/tháng	81,4	92,4	92,4	92,4	92,4
III	Tiền lương của kiểm soát viên chuyên trách						
1	Kiểm soát viên	Người	1	1	1	1	1
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	31	36	36	36	36
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	744	864	864	864	864
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	62	72	72	72	72

5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	74,4	86,4	86,4	86,4	86,4
6	Mức thu nhập bình quân	Tr.đồng/ tháng	68,2	79,2	79,2	79,2	79,2

VI. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030.

Biểu số 10

STT	Danh mục dự án	ĐVT	Giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch					
			Tổng	2026	2027	2028	2029	2030
1	Xây dựng nhà máy chế biến gỗ (bằng hình thức đầu tư góp vốn hoặc độc lập đầu tư).	Tỷ đồng	70	10	50	10		
2	Dự án vườn ươm giống, nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	12	5	5	2		
3	Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm km 14.	Tỷ đồng	15	5	10			
4	Xây dựng đầu tư mới cơ sở hạ tầng tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty. Sửa chữa, bảo trì các công trình xuống cấp tại các đơn vị và Siêu thị 509. Tháp canh lửa PCCR.	Tỷ đồng	20	4	4	4	4	4
5	Đầu tư mua mới 04 xe ô tô (01 xe 5 hoặc 7 chỗ ngồi và 01 xe 4 chỗ ngồi, 02 bán tải).	Tỷ đồng	4	3	1			
6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ.	Tỷ đồng	3	1	1	1		
7	Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC. Xây dựng chứng chỉ carbon.	Tỷ đồng	5	1	1	1	1	1
8	Lập bản đồ địa chính cấp mới, cấp đổi CNQSDĐ, Phương án sử dụng đất, phương án quản lý rừng bền vững, Phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.	Tỷ đồng	3	1	2			
9	Xây dựng đường lâm nghiệp nội đồng.	Tỷ đồng	10	3	2	2	2	1
10	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn.	Tỷ đồng	10	2	2	2	2	2
11	Đầu tư cải tạo mức gốc xử lý thực bì trồng rừng.	Tỷ đồng	15	5	5	5		
12	Phát triển Marketing xây dựng thương hiệu đồ gỗ Công ty Lâm nghiệp. Công nghệ số hoá.	Tỷ đồng	3	1	1	1		
Tổng cộng			170	41	84	28	9	8

1. Các hạng mục dự án đầu tư thực hiện 05 năm giai đoạn 2026-2030

1.1. Xây dựng nhà máy chế biến gỗ; các dự án đang lập thủ tục pháp lý triển khai theo Đề án Tái cơ cấu lại doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận theo Quyết định 2484/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận (cũ). Dự kiến tổng vốn đầu tư: 70 tỷ đồng (nguồn vốn công ty 70%

gồm vốn quỹ đầu tư phát triển + sản xuất kinh doanh và vốn vay + vốn huy động: 30%).

1.2. Xây dựng đầu tư các vườn ươm giống lâm nghiệp thuộc các dự án đã được Công ty trình Phương án và xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ như vườn giống lâm nghiệp Tân An, phường La Gi, vườn giống cây mô tại xưởng Đức Long v.v. Nguồn vốn đầu tư 12 tỷ đồng (Quỹ đầu tư phát triển + Nguồn vốn sản xuất kinh doanh + huy động vốn).

1.3. Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm km 14-xã Hàm Kiệm: Dự án đã được UBND Tỉnh cấp chứng nhận đầu tư với diện tích 18.000 m². Hiện đang điều chỉnh mục tiêu dự án thành Khu trưng bày sản phẩm. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 15 tỷ đồng (gồm Quỹ đầu tư phát triển + Nguồn vốn sản xuất kinh doanh công ty + huy động vốn).

1.4. Xây dựng đầu tư mới cơ sở hạ tầng tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty. Sửa chữa, bảo trì các công trình xuống cấp tại các đơn vị và Siêu thị 509. Tháp Canh lửa PCCR, trạm BVR v.v. Tổng vốn đầu tư: 20 tỷ đồng (từ quỹ đầu tư phát triển + nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty + vốn vay).

1.5. Đầu tư mua mới 04 xe ô tô (01 xe 7 chỗ ngồi và 01 xe 4 chỗ ngồi, 02 xe chuyên dụng bán tải) để phục vụ công tác Công ty trong sản xuất kinh doanh và công tác BVR. Tổng giá trị: 04 tỷ đồng (nguồn vốn từ sản xuất kinh doanh Công ty + vốn vay).

1.6. Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ Phan Thiết: Tổng mức đầu tư: 03 tỷ đồng (Quỹ đầu tư phát triển và vốn sản xuất kinh doanh).

1.7. Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC. Xây dựng chứng chỉ carbon: Tổng chi phí đầu tư: 05 tỷ đồng (nguồn vốn từ sản xuất kinh doanh).

1.8. Lập bản đồ địa chính cấp mới, cấp đổi CNQSDĐ, Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững, Phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp. Tổng chi phí: 03 tỷ đồng (Nguồn vốn sản xuất kinh doanh công ty).

1.9. Xây dựng đường lâm nghiệp nội đồng. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 10 tỷ đồng (Nguồn vốn: Quỹ đầu tư phát triển và vốn sản xuất kinh doanh Công ty + vốn vay).

1.10. Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn từ 8-10 năm tuổi: Tổng vốn đầu tư 10 tỷ đồng (nguồn vốn sản xuất kinh doanh + vốn vay).

1.11. Đầu tư cải tạo mức gốc xử lý thực bì trồng rừng: Tổng chi phí dự kiến: 10 tỷ đồng (từ Quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty).

1.12. Phát triển Marketing xây dựng thương hiệu đồ gỗ Công ty Lâm nghiệp. Công nghệ số hoá. Tổng chi phí đầu tư: 03 tỷ đồng (nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty).

2. Tổng giá trị đầu tư phát triển 05 năm từ 2026-2030 ước thực hiện: 170 tỷ đồng, được phân bổ như sau:

- Ước thực hiện phân bổ theo từng năm: Năm 2026: 41 tỷ đồng; Năm 2027: 84 tỷ đồng; Năm 2028: 28 tỷ đồng; Năm 2029: 9 tỷ đồng; Năm 2030: 8 tỷ đồng.

3. Nguồn vốn đầu tư: Từ Quỹ đầu tư phát triển trích từ 30% lợi nhuận sau thuế của Công ty, vốn sản xuất kinh doanh, vốn vay và vốn khác.

4. Phương án thực hiện: Căn cứ vào tình hình tài chính nguồn vốn sản xuất kinh doanh, Quỹ đầu tư phát triển Công ty và các nguồn vốn khác, Công ty sẽ phân khai và ưu tiên các dự án trọng điểm để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, ưu tiên các dự án trồng rừng gỗ lớn, vườn ươm giống lâm nghiệp và mua sắm cấp thiết, xây dựng sửa chữa văn phòng, Trạm, đường nội đồng, Marketing v.v để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với các dự án xây dựng có quy mô lớn, sau khi có đầy đủ các hồ sơ pháp lý dự án như nhà máy chế biến gỗ v.v, Công ty sẽ phân kỳ thực hiện từng công đoạn theo giai đoạn phân bổ để phù hợp với nguồn vốn đầu tư và tìm kiếm các đối tác liên kết, liên doanh, hợp tác đầu tư nhằm huy động nguồn vốn.

VII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.

1. Giải pháp về việc sắp xếp, chuyển đổi và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, chuyển đổi và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XII và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014, Công văn 2095/TTg-ĐMDN ngày 16/11/2015, Nghị định số 04/2024/NĐ-CP, ngày 12/01/2024, Nghị định số 23/2022/NĐ-CP, ngày 05/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi có chỉ đạo của cấp thẩm quyền, Công ty sẽ xây dựng Đề án sắp xếp, chuyển đổi theo quy định.

2. Giải pháp về tài chính.

Để thực hiện đạt kết quả theo kỳ chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2026-2030, cần phải có giải pháp tài chính hữu hiệu, đồng thời, tập trung tăng cường nguồn lực tài chính để nâng cao khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của Công ty bằng các giải pháp như sau:

- Tăng cường lãnh đạo, đổi mới phương thức tổ chức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước trên cơ sở thực hiện giám sát kết quả hoạt động kinh doanh và đánh giá xếp loại doanh nghiệp theo quy định hiện hành nhằm lành mạnh và minh bạch tài chính.

- Tái đầu tư cho sản xuất kinh doanh, tập trung tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty bằng các giải pháp như sau:

+ Tập trung huy động các nguồn lực (vốn) của các tổ chức, cá nhân thông qua việc hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết sản xuất nhằm triển khai được các dự án đầu tư của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 để đầu tư phát triển, đổi mới công nghệ, thực hiện đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh đã được chủ sở hữu phê duyệt. Trong đó, tổng mức dự kiến đầu tư **170 tỷ đồng** được phân khai qua từng năm trong chiến lược phát triển Công ty 05 năm giai đoạn 2026-2030.

+ Vay vốn của các tổ chức, cá nhân; vốn vay ưu đãi đầu tư của các ngân hàng với mức lãi suất phù hợp với quy định. Tiếp tục thực hiện liên kết, liên

doanh, HTĐT với các đối tác chiến lược trước đây như Công ty Sanrim (Hàn Quốc) và các đối tác khác để đưa toàn bộ diện tích đất trống vào trồng rừng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- + Cơ cấu lại nguồn vốn, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay dòng tiền, ngân lưu tài chính hiệu quả. Tập trung thu hồi công nợ, sử dụng các biện pháp để việc thu hồi công nợ đạt hiệu quả cao. Đồng thời, cân đối tài chính các dự án để đầu tư phù hợp từng giai đoạn nhằm ổn định ngân lưu tài chính cho Công ty. Ban hành quy chế tài chính, quy chế hoạt động và quản lý vốn v.v.

- + Cơ cấu lại các khoản nợ xấu: Cơ cấu lại các khoản nợ ngay khi có đủ điều kiện để cải thiện dòng tiền và khả năng trả nợ của Công ty nhằm tạo thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- + Tập trung vốn đầu tư vào lĩnh vực, khu vực trồng rừng có hiệu quả kinh tế đem lại lợi nhuận cao. Ngưng đầu tư dàn trải đối với các dự án không hiệu quả (nếu có), chỉ tập trung đầu tư các hoạt động chủ lực có cơ chế kiểm soát tài chính.

- Rà soát lại kế hoạch để kịp thời điều chỉnh hợp lý dựa trên cơ sở hoạt động có hiệu quả về một số lĩnh vực nhằm đảm bảo các chỉ số tăng trưởng và chỉ tiêu đề ra theo chỉ tiêu định hướng của Chủ sở hữu phê duyệt Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty.

- + Tiếp tục rà soát, xác định lại vốn điều lệ và lập phương án bổ sung vốn điều lệ cho kế hoạch 5 năm để làm cơ sở trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để bổ sung vốn kinh doanh, đầu tư phát triển các dự án công trình và nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo đúng các quy định trong việc bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp nhà nước.

3. Giải pháp về sản xuất kinh doanh.

- *Giải pháp về Điều chỉnh, bố trí sử dụng quỹ đất:*

Sau khi Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy hoạch tổng thể. Trong đó, phân loại đất từng khu vực phù hợp để trồng rừng, trồng cây công nghiệp nhằm phát huy tối đa nguồn lực đất đai Nhà nước giao. Đồng thời, sử dụng toàn bộ mặt bằng kinh doanh hiện có của Công ty để triển khai các dự án dịch vụ - thương mại- sản xuất phù hợp với ngành nghề Công ty để phát huy tiềm lực có sẵn như khu đất Km 14- xã Hàm Kiệm, XN CBG Đức Long, XNCBG Phan Thiết, vườn ươm Tân An- La Gi (cũ); Siêu thị đồ gỗ 509 Trần Hưng Đạo v.v. Trong đó, tập trung đầu tư các dự án nhà máy chế biến gỗ, viên nén v.v nhằm phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của Công ty và đảm bảo ổn định đầu tư lâu dài.

- *Giải pháp về hoạt động lâm sinh:*

- + Tập trung tìm kiếm các giải pháp lâm sinh để đạt hiệu quả cao nhất về công tác trồng rừng, bảo vệ rừng trồng Công ty. Trong đó, đầu tư công nghệ sản xuất các giống cây lâm nghiệp có chất lượng cao và phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng.

+ Thực hiện mô hình trồng xen canh cây nông nghiệp có hiệu quả đối với diện tích rừng trồng năm đầu tiên như cây Mì, bắp, Bí, Dưa v.v nhằm tăng doanh thu và thu nhập cho CB-CNV Công ty. Đồng thời, nghiên cứu, thử nghiệm các loại cây được liệu trồng dưới tán rừng nhằm phát huy tối đa việc sử dụng đất có hiệu quả.

+ Đầu tư trồng rừng gỗ lớn hoặc chuyển hóa rừng trồng thành gỗ lớn: Hàng năm Công ty đầu tư từ 50-100 ha diện tích rừng trồng gỗ lớn đối với các khu vực phù hợp nhằm nâng cao giá trị rừng trồng, đồng thời, tìm kiếm nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua rừng để chuyển hóa rừng gỗ lớn nhằm tăng giá trị sinh lời sau thời gian từ 3-5 năm.

- *Giải pháp về hoạt động gieo ươm:*

+ Tiếp tục triển khai kế hoạch sản xuất cây giống truyền thống như hiện nay của Công ty nhằm tận dụng được cơ sở hạ tầng và đầu tư. Đồng thời, tìm kiếm, khảo nghiệm các giống cây trồng mới phù hợp.

+ Triển khai xây dựng vườn ươm cây lâm nghiệp bằng phương pháp cấy mô trong năm 2026-2027, bình quân hàng năm từ 5 triệu cây giống/năm nhằm nâng cao chất lượng rừng trồng. Trong đó, tìm kiếm đối tác liên kết, liên doanh, HTĐT đầu tư vốn và công nghệ với Công ty để triển khai dự án vườn ươm.

- *Giải pháp về công tác quản lý bảo vệ rừng.*

Lâm phận quản lý của Công ty có diện tích trải dài, phân tán nhiều khu vực trong tỉnh Bình Thuận (cũ) nên việc quản lý bảo vệ rừng hiện nay rất khó khăn, nhất là tình trạng lấn chiếm đất trái phép, phá rừng v.v. Để giảm bớt tình trạng này, Công ty tăng cường phủ xanh kín các diện tích không thể trồng rừng được bằng các loại cây phù hợp với đất đai mà Công ty đã lập theo phương án sử dụng đất. Đối với diện tích trả về địa phương quản lý cần tiến hành các thủ tục giao trả nhằm giảm áp lực cho Công ty về tài chính, nhân lực, vật lực.

Đăng ký nguồn vốn quản lý bảo vệ rừng tự nhiên theo Nghị định 58/NĐ-CP để đảm bảo nguồn kinh phí cho công tác quản lý bảo vệ rừng.

- *Giải pháp công tác chế biến gỗ:*

Xí nghiệp CBG Phan Thiết: Tái cơ cấu toàn diện về nhân lực, nguồn vốn và chiến lược kinh doanh. Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị mới để nâng cao năng suất hoạt động và hiệu quả. Nghiên cứu các dòng sản phẩm mới phù hợp với thị trường, bên cạnh đó, đa dạng sản phẩm mộc, gia công sản phẩm xuất khẩu trên hình thức liên kết các đối tác có năng lực và phù hợp với ngành nghề kinh doanh. Đầu tư nhà máy chế biến gỗ rừng trồng (theo hình thức liên kết hoặc độc lập)

- *Giải pháp về marketing:*

+ Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu Công ty, khai thác, mở rộng thêm hệ thống đại lý tiêu thụ đồ gỗ nội thất tại các thị trường mới có tiềm năng như Đà Lạt, Đắk Nông (cũ) và các tỉnh Đông Nam Bộ bằng các sản phẩm chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

+ Nghiên cứu thị hiếu thị trường, đặc biệt chú trọng quan tâm đến gỗ nguyên liệu từ rừng trồng của Công ty để triển khai và tăng cường hiệu quả chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh.

+ Định vị, khảo sát thị trường: Xác định thị trường chính trong giai đoạn đến năm 2030. Hoàn thiện các tiêu chuẩn và chuẩn bị cơ hội để tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

+ Tăng cường các hoạt động marketing sẽ được tiến hành liên tục để hỗ trợ cho công tác bán hàng một cách hiệu quả (gồm các hoạt động quảng cáo, bán hàng cá nhân, PR...).

- Giải pháp về nguồn nhân lực:

+ Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn mới, Công ty sẽ có giải pháp về xây dựng các kế hoạch tuyển dụng, chương trình đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ, kiến thức quản lý và chuyên môn cho cán bộ nhân viên và người lao động phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế để đáp ứng tình hình chung.

+ Xây dựng các cơ chế, chính sách về trả lương, thưởng, các khoản phúc lợi khác cho người lao động bằng các quy tắc rõ ràng gắn liền với năng suất lao động, hiệu quả SXKD và vị trí việc làm.

+ Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu SXKD trong tình hình mới.

- Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

+ Đưa công nghệ 4.0 chuyển đổi số vào quản lý như áp dụng các phần mềm quản lý AI hiện nay. Đồng thời, tiếp tục đưa công nghệ sinh học vào áp dụng trong công tác gieo ươm.

+ Quản lý tài chính kế toán trên hệ thống quản lý phần mềm hiện đại, nhanh, gọn, hiệu quả và kiểm soát tài chính hiệu quả.

+ Đầu tư mua sắm các thiết bị máy móc chuyên dụng để phục vụ công tác chuyển đổi số, truyền thông và phục vụ công tác hội họp.

- Giải pháp về Liên kết, hợp tác đầu tư:

+ Tiếp tục xử lý dứt điểm các trường hợp tồn tại kéo dài theo Kết luận Thanh tra liên quan đến Công ty Hoàng Linh. Tập trung hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý liên quan trong công tác phân chia sản phẩm rừng trồng, cao su để chọn lựa phương án kinh doanh phù hợp trong thời gian tới. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các đơn vị hợp tác đầu tư trong thời gian qua để khắc phục các tồn tại, khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý đất đai v.v.

+ Tiếp tục phát huy liên kết, liên doanh, HTĐT, huy động nguồn lực (vốn) trong phạm vi cho phép của Luật doanh nghiệp và các quy định khác để đầu tư trồng rừng theo tỷ lệ quy định và thỏa thuận hai Bên theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Trong đó: Liên kết, liên doanh xây dựng nhà máy chế biến từ gỗ rừng trồng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- *Giải pháp về quản lý, điều hành:*

+ Kiện toàn bộ máy nhân sự quản lý điều hành Công ty nhằm đủ lực lãnh chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ của Công ty, phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ của Công ty đã được ban hành.

+ Tổ chức tinh gọn hệ thống điều hành từ các Xí nghiệp đến Công ty nhằm quản lý chặt chẽ và kiểm soát trực tiếp như đối với một số Xí nghiệp hoạt động không hiệu quả.

+ Xây dựng hoàn thiện và ban hành ngay Quy chế quản lý hoạt động chung cho toàn Công ty trên cơ sở Điều lệ hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp và các chính sách pháp luật mới của Nhà nước làm cơ sở để tiếp tục xây dựng ban hành các Quy chế quản lý còn thiếu hoặc không còn phù hợp với mô hình hiện nay như: Quy chế quản lý tài chính; chi tiêu nội bộ; Quy chế về chính sách giao nhận khoán rừng trồng theo Nghị định 168/CP...

+ Tổ chức phát động các phong trào thi đua, khen thưởng: chú trọng đẩy mạnh phong trào ý tưởng, sáng kiến từ Công ty đến các đơn vị cơ sở thiết thực, kịp thời hơn để tạo động lực phấn đấu của CBCNV trong toàn Công ty. Khen thưởng kịp thời những nhân tố tích cực nhằm động viên, khích lệ và nhân rộng điển hình từ các phong trào thi đua.

- *Giải pháp khác:*

Giải pháp về quản lý rừng bền vững:

Thực hiện đúng theo Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt và các quy định của FSC, Công ty tiếp tục xây dựng và cập nhật các quy trình, quy phạm kỹ thuật, các hướng dẫn, biểu mẫu... nguyên liệu phù hợp với quy định của FSC. Tiếp cận và cập nhật thông tin, hướng dẫn theo các quy định chuyên ngành về thực hiện chứng chỉ Carbon trên diện tích rừng quản lý.

VIII. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Sau khi chiến lược phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận 05 năm giai đoạn 2026-2030 được Chủ sở hữu phê duyệt các chỉ tiêu định hướng, Chủ tịch Công ty điều chỉnh kế hoạch kinh doanh hằng năm (nếu cần) và ban hành chiến lược phát triển để tổ chức thực hiện; đồng thời báo cáo chủ sở hữu quản lý, giám sát, đánh giá xếp loại theo quy định.

Thực hiện Công khai thông tin về hoạt động doanh nghiệp theo Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 và Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

Giao Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận có trách nhiệm chỉ đạo các cá nhân, đơn vị có liên quan tham mưu phân khai chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm để triển khai thực hiện.

PHẦN THỨ BA KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Chiến lược phát triển Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận 05 năm giai đoạn 2026-2030 mà Công ty trình bày trên cơ sở điều kiện thực tế SXKD, nguồn lực, diện tích và hiện trạng rừng trồng hiện có, thực trạng hoạt động chế biến gỗ và các hoạt động khác của Công ty. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch hằng năm cho phù hợp theo các chỉ tiêu định hướng của Chủ sở hữu phê duyệt.

Để thực hiện tốt nhất và có hiệu quả Chiến lược phát triển Công ty 05 năm giai đoạn 2026-2030 như trên, Công ty xin được đề xuất và kiến nghị lên Quý cấp xem xét, hỗ trợ các vấn đề khó khăn vướng mắc như sau:

1. Về sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp.

Kiến nghị UBND Tỉnh xem xét và có chỉ đạo tiếp theo trong công tác sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/NĐ-CP, ngày 17/12/2014 và Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp của Chính phủ trong thời gian tới.

2. Bổ sung vốn điều lệ.

Để đảm bảo mức tăng trưởng theo Chiến lược phát triển Công ty 05 năm giai đoạn 2026-2030 trên, Công ty cần phải đa dạng sản phẩm, ngoài sản phẩm chủ lực là rừng trồng hiện nay, do đó, cần phải đầu tư phát triển các hạng mục đầu tư như chế biến gỗ, dịch vụ v.v. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư tiếp cận các ngân hàng tín dụng rất khó khăn, nhất là ngành đặc thù lâm nghiệp trồng rừng. Từ đó, kiến nghị Chủ sở hữu xem xét phê duyệt bổ sung vốn điều lệ đối TK (mã 411) đối với quỹ đầu tư phát triển đến cuối năm 2025 là 19.785.869.702 đồng để bổ sung thêm vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mạnh dạn đầu tư trong chiến lược phát triển Công ty.

3. Tiền thuê đất rừng tự nhiên.

Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn và có cơ chế đặc thù về việc nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 3.077 ha Công ty đang quản lý bảo vệ nhưng phải nộp tiền thuê đất hàng năm mặc dù không phát sinh bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào (*bao gồm cả diện tích 1.895,71 ha rừng tự nhiên theo Đề án cải tạo rừng nghèo kiệt phải tạm dừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại khu vực Sông Phan – Hàm Tân (cũ) mà Công ty được cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuê đất đến nay hơn 9 tỷ đồng kể từ ngày tạm dừng thực hiện dự án*) để giảm áp lực tài chính và không ảnh hưởng đến công tác quyết toán tài chính hằng năm của Công ty.

4. Kiến nghị khác.

Xem xét, hỗ trợ và giới thiệu cho Công ty được tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để trồng rừng, trồng cây công nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc duy trì chứng chỉ rừng FM/CoC để nâng cao giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng đi đôi với

bảo vệ môi trường sinh thái và được tiếp cận thị trường tín chỉ carbon để khai thác nguồn lực sẵn có của Công ty trong thời gian tới.

Trên đây là Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận. Kính trình Sở Tài chính xem xét thẩm định và trình UBND Tỉnh thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu định hướng để Công ty căn cứ thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tài chính Lâm Đồng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Lâm Đồng;
- T/b Kiểm soát Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các phòng NV Cty;
- Lưu: VT, KD-MKT,CT.Công ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Ngọc Cường

1000 3 000 91.05

1

1

1

[illegible]

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 393 /STC-PTDN

V/v xây dựng chiến lược phát triển
của doanh nghiệp và kế hoạch sản
xuất, kinh doanh năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
(có danh sách đính kèm)

Ngày 08/10/2025, Sở Tài chính đã ban hành Văn bản số 3420/STC-PTDN về việc đề nghị các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026 – 2030 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Trong đó, đề nghị:

“Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2026 – 2030”

Trên cơ sở kế hoạch 05 năm giai đoạn 2026 – 2030, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026”

Đến thời điểm hiện nay Sở Tài chính đã nhận được kế hoạch của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua rà soát Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026. Kế hoạch do các doanh nghiệp xây dựng chưa đảm bảo chỉ tiêu tăng chung của tỉnh GRDP là 10% (Trong đó giao chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản đạt 5,1%/năm tại Phụ lục 01).

Do đó, để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh giao các chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, Sở Tài chính đề nghị các doanh nghiệp:

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (bao gồm các chỉ tiêu: sản lượng chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế và nộp NSNN) theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và khoản 1, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Lưu ý: Các chỉ tiêu phải đảm bảo tăng trưởng so với năm 2025: Đối ngành nông, lâm, thủy sản là 5,1%/năm; đối với các Công ty xổ số kiến thiết số thu nộp NSNN theo dự toán đã giao tại Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh.

2. Xây dựng và phê duyệt chiến lược phát triển của doanh nghiệp cho giai đoạn tối thiểu 5 năm (giai đoạn 2026-2030) theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

Lưu ý: Các chỉ tiêu giai đoạn 2026 – 2030 phải đảm bảo tăng trưởng: Đối với ngành nông, lâm, thủy sản là 5,5%/năm; đối với các Công ty xổ số kiến thiết số thu nộp NSNN theo dự toán đã giao theo Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh và chỉ tiêu thu xổ số kiến thiết theo Văn bản số 203/UBND-KTTH ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh về việc hoàn thiện các dự thảo báo cáo, chương trình hành động và kịch bản tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030.

3. Thời hạn hoàn thành

Yêu cầu Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty căn cứ vào quyền và trách nhiệm tổ chức thực hiện, phê duyệt kế hoạch và chiến lược gửi về Sở Tài chính, cụ thể:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trước ngày 17/01/2026;
- Chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong quý I/2026;

Nhận được văn bản này đề nghị các doanh nghiệp khẩn trương thực hiện./.

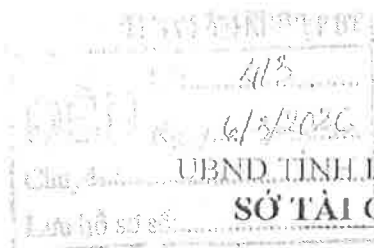
Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, PTDN (My).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Dũng



UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1763 /STC-PTDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 3 năm 2026

V/v xây dựng chỉ tiêu cơ bản đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2026; xây dựng và phê duyệt chiến lược phát triển của doanh nghiệp cho giai đoạn 05 năm

Kính gửi: Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
(Số doanh nghiệp theo danh sách kèm theo)

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sở Tài chính đề nghị các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (các doanh nghiệp) thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2026:

Căn cứ Điều 27 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

“Điều 27. Giao chỉ tiêu để đánh giá doanh nghiệp:

2. Trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện, căn cứ khoản 1 Điều này, cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát và giao chỉ tiêu theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và các chỉ tiêu khác (nếu cần) để đánh giá doanh nghiệp phù hợp với chỉ tiêu định hướng đã giao, lĩnh vực hoạt động, chuyên ngành, đặc thù sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp”.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh giao các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2026, đề nghị các doanh nghiệp:

- Trên cơ sở Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của công ty xây dựng các chỉ tiêu cơ bản đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2026 theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025.

- Trong trường hợp có điều chỉnh khác so với các chỉ tiêu định hướng đã giao tại Quyết định số 458/QĐ-UBND thì phải giải trình rõ lý do.

2. Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030:

Đề nghị các doanh nghiệp xây dựng và phê duyệt chiến lược phát triển của doanh nghiệp cho giai đoạn tối thiểu 5 năm (giai đoạn 2026-2030) theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP đã được Sở Tài chính hướng dẫn tại Văn bản số 393/STC-PTDN ngày 14/01/2026.

3. Thời gian gửi báo cáo:

Báo cáo gửi về Sở Tài chính trước ngày 12/3/2026.

Đề nghị các doanh nghiệp khẩn trương thực hiện đúng nội dung và thời gian nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, PTDN (My).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 458/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020,

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 68/TTr-STC ngày 30 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. CÁC CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
I	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Sản xuất kinh doanh	m3	1.022.850
	Hoạt động công ích	ha	47.541,03
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	63.529,26
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.876,43
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.876,43
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	658

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
II	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	115.781,2594
	- Sản phẩm công ích thủy lợi	m3	46.831.400
	- Sản phẩm nước thô	Triệu đồng	190.327
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	8.364
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	7.577
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	4.824
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	

2. CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

2.1. CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP CHỈ HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
I	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Dạ Têh		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	14.564,59
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	9.753
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	77,10
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	64,00
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	53,70
II	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Dạ Huoi		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	6.521,94
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.443
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	91
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	74
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	52,80
III	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bắc		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	25.720,40
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	13.810
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	158
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	126
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	61
IV	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	27.233,36
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	31.208
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	4.005
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	3.204
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	801
V	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Wil		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	28.554,05
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	20.164,36
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	370
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	296
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	165
VI	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	18.219,83
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	12.918
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	724
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	601
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	293
VII	Công ty TNHH MTV Đắk N'Tao		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	8.131,89
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	11.621
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	611
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	550
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	61
VIII	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	14.386,52
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	9.720
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	27,0
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	21,6
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	102,4
IX	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hoà		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	3.883
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.150
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	-
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	38
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	31
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	20

2.2. CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
I	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Thuận (năm 2025 ước thực hiện)		
1	Sản lượng chủ yếu	m3	1.500
	Sản xuất kinh doanh	ha	13.812,17
	Dịch vụ	Triệu đồng	12.942
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	1.100
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	880
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	788
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	
II	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh		
1	Sản lượng chủ yếu	m3	15.100
	Sản lượng sản xuất chủ yếu	ha	13.297,84
	Diện tích nằm ngoài dịch vụ môi trường rừng	ha	8.978
	Diện tích nằm trong dịch vụ môi trường rừng	ha	47.100
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	2.840
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.360
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	4.000
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	
III	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm		
1	Sản lượng chủ yếu	m3	2.810
	Gỗ xẻ các loại	m3	350
	Sản phẩm tinh chế (ván ghép thanh, các loại)	ha	16.190,52
	Diện tích quản lý bảo vệ rừng theo Nghị quyết 88/2025/NQ-HĐND	ha	19.772,32
	Diện tích quản lý bảo vệ rừng nguồn dịch vụ môi trường rừng	ha	35.195,37
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	3.162
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.530
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	2.400
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	
IV	Công ty TNHH MTV Nam Nung		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	137,26
	Bảo vệ rừng tự nhiên	ha	416,45
	Khoán cao su	ha	6,88
	Dầu tầm	ha	13.138,05
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	(5.821,00)
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	(5.821,00)
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	52
V	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tam Hiệp		
1	Sản lượng chủ yếu		
1.1	Sản phẩm khai thác gỗ rừng trồng	m3	2.500
1.2	Sản phẩm khác từ gỗ (nhựa thông)	Tấn	30
1.3	Diện tích đất hàng rừng tự nhiên ngoài lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng	ha	19.881
1.4	Diện tích trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng	ha	2.260,70
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	17.963
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	550
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	457
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	1.264
VI	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Đặt hàng trên diện tích trực tiếp quản lý ngoài vùng dịch vụ môi trường rừng	ha	8.735,41
	Đặt hàng trên diện tích giao khoán ngoài vùng dịch vụ môi trường rừng	ha	2.759,76
	Đặt hàng trên diện tích trực tiếp quản lý trong vùng dịch vụ môi trường rừng		4.900,31
	Diện tích được hưởng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng	ha	7.094,34
	Sản phẩm khai thác gỗ rừng trồng	m3	4.300
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	23.082
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	861
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	689
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	1.686
VII	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận		
1	Sản lượng chủ yếu	ha	1.252,92
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	93.850
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	9.990
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	7.992
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	14.788
VIII	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Dinh		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Quản lý bảo vệ rừng công ích	ha	6.255
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.868
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	170
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	136
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	95

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
IX	Công ty TNHH MTV Cà phê Đức Lập		
1	Sản lượng chủ yếu		
	Cà phê nhân	Tấn nhân	243
	Cao su	Tấn mù	25.30
	Cà phê bột	Kg	1.600
	Cà cao tính bột	Kg	300
	Phân vi sinh	Tấn	215
	Dịch vụ thu gom rác thải	Hộ	1.200
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	25.500
3	Lợi nhuận	Triệu đồng	
	- Trước thuế TNDN	Triệu đồng	1.700
	- Sau thuế TNDN	Triệu đồng	1.410
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	1.583

Điều 2.

1. Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh có trách nhiệm:

a) Quyết định ban hành kế hoạch kinh doanh năm 2026 và tổ chức thực hiện trên cơ sở chỉ tiêu định hướng năm 2026 được giao; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu định hướng được giao theo quy định.

b) Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan về nội dung đề xuất phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; đồng thời, theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH(Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 139/QĐ-CT.CTLN

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH 15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH 15 ngày 14/6/2025 Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về việc giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc hợp nhất hai doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hàm Tân thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh cơ quan đại diện chủ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 của các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nông, lâm nghiệp, thủy lợi thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Theo đề nghị của Phòng KH-KT, Phòng KD-MKT, Phòng TC-KT, Phòng TC-HC Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận như sau:

1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Sản lượng tiêu thụ chủ yếu:

+ Gỗ rừng trồng: sản lượng gỗ rừng trồng tiêu thụ là 989,87 ha.

+ Sản phẩm mộc: sản lượng sản phẩm mộc tiêu thụ là 840 sản phẩm.

- Doanh thu kế hoạch là 93.850 triệu đồng.

- Lợi nhuận kế hoạch:

+ Lợi nhuận trước thuế là 9.990 triệu đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế là 7.992 triệu đồng.

- Nộp ngân sách kế hoạch:

+ Thuế và các khoản phải nộp ngân sách là 14.788 triệu đồng.

+ Thuế và các khoản đã nộp ngân sách là 16.895 triệu đồng.

(Có biểu kế hoạch tài chính chi tiết kèm theo)

2/ Kế hoạch đầu tư năm 2026:

STT	Danh mục dự án	ĐVT	Số tiền
1	Xây dựng nhà máy chế biến gỗ.	Tỷ đồng	10
2	Dự án vườn ươm giống, nghiên cứu khảo nghiệm giống cây lâm nghiệp.	Tỷ đồng	5
3	Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm km 14.	Tỷ đồng	5
4	Xây dựng đầu tư mới cơ sở hạ tầng tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty. Sửa chữa, bảo trì các công trình xuống cấp tại các đơn vị và Siêu thị 509. Tháp canh lửa PCCR.	Tỷ đồng	4
5	Đầu tư mua mới 03 xe ô tô (01 xe ô tô, 02 xe bán tải).	Tỷ đồng	3
6	Đầu tư mới và nâng cấp máy móc thiết bị chế biến gỗ.	Tỷ đồng	1
7	Duy trì và cấp mới lại chứng chỉ rừng FSC. Xây dựng chứng chỉ carbon.	Tỷ đồng	1
8	Lập bản đồ địa chính cấp mới, cấp đổi CNQSDĐ, Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững, Phương án sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.	Tỷ đồng	1
9	Xây dựng đường lâm nghiệp nội đồng.	Tỷ đồng	3
10	Đầu tư xây dựng rừng cây gỗ lớn.	Tỷ đồng	2

11	Đầu tư cải tạo mức gốc xử lý thực bì trồng rừng.	Tỷ đồng	5
12	Phát triển Marketing xây dựng thương hiệu đồ gỗ Công ty Lâm nghiệp. Công nghệ số hoá.	Tỷ đồng	1
	Tổng cộng		41

- Nguồn vốn đầu tư: vốn sản xuất kinh doanh, vốn vay, quỹ đầu tư phát triển và vốn khác.

3/ Nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty đến năm 2025 là 19.785.869.702 đồng.

Số tiền Quỹ đầu tư phát triển trên, Công ty bổ sung vốn điều lệ để thực hiện các công trình đầu tư và phục vụ cho các hoạt động tăng trưởng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 2. Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận có trách nhiệm phân khai chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đến từng phòng ban, đơn vị cơ sở theo chức năng nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện; đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2026.

Điều 4. Ban Tổng giám đốc công ty, trưởng các phòng nghiệp vụ công ty và trưởng các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty căn cứ Quyết định này thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; } (thay báo cáo)
- TBKS công ty;
- Chủ tịch công ty;
- Lưu VT, TCHC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Ngọc Cường

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-CT.CTLN ngày 25/02/2026 của Chủ tịch Công ty)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		Kế hoạch 2026	So sánh TH/KH 2025 (%)	So sánh KH 2026/ TH 2025 (%)
		Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025			
A. CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH						
I. Sản lượng						
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu						
a/ Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
- Diện tích rừng trồng	Ha	671,02	946,93	1.252,92	141,12	132,31
- Sản phẩm mộc	SP	1.512	636	840	42,06	132,08
b/ Sản phẩm xuất khẩu						
2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ						
a/ Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	Ha	1.243,50	1.020,27	989,87	82,05	97,02
- Sản phẩm mộc	SP	1.512	636	840	42,06	132,08
b/ Các sản phẩm xuất khẩu						
3. Giá thành đơn vị SP chủ yếu						
a/ Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
- Gỗ rừng trồng	Trđ/ha	41,85	49,84	55,12	119,09	110,60
- Sản phẩm mộc	Trđ/sp	2,68	2,68	2,68	100,00	100,00
b/ Các sản phẩm xuất khẩu						
4. Giá bán các SP chủ yếu						
a/ Sản phẩm tiêu thụ trong nước						
- Gỗ rừng trồng	Trđ/ha	59,78	76,67	84,80	128,25	110,60
- Sản phẩm mộc	Trđ/sp	3,57	3,57	3,57	100,00	100,00

b/ Sản phẩm xuất khẩu									
B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH									
I. Kết quả kinh doanh									
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	85.907	89.295	93.850	103,94	105,10			
a. Doanh thu thuần	Triệu đồng	80.737	82.380	91.340	102,04	110,88			
b. Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	20	12	10	60,00	83,33			
c. Doanh thu khác	Triệu đồng	5.150	6.903	2.500	134,04	36,22			
2. Lãi phát sinh									
a. Trước thuế TNDN	Triệu đồng	6.480	8.061	9.990	124,40	123,93			
b. Sau thuế TNDN	Triệu đồng	5.184	6.075	7.992	117,19	131,56			
3. Lỗ phát sinh	Triệu đồng								
4. Lỗ lũy kế	Triệu đồng								
II. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Triệu đồng	7.222	16.527	14.788	228,84	89,48			
1. Từ hoạt động kinh doanh nội địa	Triệu đồng	7.222	16.527	14.788	228,84	89,48			
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	300	161	180	53,67	111,80			
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	-	-	-	-	-			
c. Thuế TNDN	Triệu đồng	1.296	1.986	1.998	153,24	100,60			
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	5.626	14.380	12.610	255,60	87,69			
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	Triệu đồng								
a. Thuế XNK	Triệu đồng								
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	Triệu đồng								
c. Thuế TTDB hàng nhập khẩu	Triệu đồng								
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	Triệu đồng								
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng								
III. Thuế và các khoản đã nộp NSNN	Triệu đồng	10.366	13.319	15.776	128,49	118,45			
1. Từ hoạt động kinh doanh nội địa	Triệu đồng	10.366	13.319	15.776	128,49	118,45			
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	300	204	180	68,00	88,24			
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	-	-	-	-	-			
c. Thuế TNDN	Triệu đồng	1.545	1.545	1.986	100,00	128,54			
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	Triệu đồng	1.545	1.545	1.986	100,00	128,54			

d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	8.521	11.570	13.610	135,78	117,63
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	Triệu đồng					
a. Thuế XNK	Triệu đồng					
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	Triệu đồng					
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	Triệu đồng					
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	Triệu đồng					
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng					
IV. Nợ thuế	Triệu đồng	1.431	7.783	6.795	543,89	87,31
1. Nợ thuế từ hoạt động kinh doanh nội địa	Triệu đồng	1.431	7.783	6.795	543,89	87,31
a. Thuế GTGT	Triệu đồng	135	93	93	68,89	100,00
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	Triệu đồng	-	-	-		
c. Thuế TNDN	Triệu đồng	1.296	1.986	1.998	153,24	100,60
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	Triệu đồng	-	5.704	4.704		
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	Triệu đồng					
a. Thuế XNK	Triệu đồng					
b. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	Triệu đồng					
c. Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	Triệu đồng					
d. Chênh lệch giá hàng nhập khẩu	Triệu đồng					
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng					
VI. Các khoản chi NSNN	Triệu đồng					
1. Chi bổ sung vốn điều lệ	Triệu đồng					
2. Chi khác	Triệu đồng					

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3401121487

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 17 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH THUAN FORESTRY ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

30 đường Yersin, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 02523.821717

Số Fax: 02523.824104

Thư điện tử:

Website: *lamnghiepbinhthuan.com*

ctylamnghiep.binhthuan@gmail.com

3. Vốn điều lệ : 96.700.608.572 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ bảy trăm triệu sáu trăm lẻ tám nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 202/2025/QH15

Ngày cấp: 12/06/2025 Nơi cấp: Quốc Hội

Địa chỉ trụ sở chính: 04 Trần Hưng Đạo, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 263/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 25 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Lâm nghiệp Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh về phân công, phân cấp cho các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hợp nhất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hàm Tân thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận;

Xét đề nghị của Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 08/TTr-SNV ngày 15/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận (kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NCPC, SNV (20b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hòa



**ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 263/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.
2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Công ty" là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Bình Thuận do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định thành lập.
 - b) "Chủ sở hữu Công ty" là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.
 - c) "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, chi nhánh... nằm trong cơ cấu Công ty.
 - d) "Cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty" tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
 - e) "Cổ phần không chi phối, vốn góp không chi phối của Công ty" tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở xuống.
 - g) "Nghị định 99/2012/NĐ-CP" là Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.
 - h) "Nghị định 71/2013/NĐ-CP" là Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
 - i) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - k) "Nghị định 97/2015/NĐ-CP" là Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên công ty, trụ sở chính

1. Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty:

Tên công ty: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN.

Tên viết tắt: Công ty TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH THUAN FORESTRY ONE MEMBER LIMITED COMPANY

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 30 Yersin, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ vốn điều lệ của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Công ty hoạt động theo các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh do Chủ sở hữu Công ty giao. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
02	Trồng cây ăn quả	0121
03	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
04	Trồng cây cao su	0125
05	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
06	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
07	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
08	Trồng rừng và chăm sóc rừng, ươm giống cây lâm nghiệp	0210
09	Khai thác gỗ	0221
10	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222

11	Thu hoạch sản phẩm rừng	0230
12	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (thiết kế khai thác lâm sản, thiết kế rừng trồng)	0240
13	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
14	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ bột	1062
15	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
16	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện	1629
20	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
23	Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
24	Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
25	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (nhà nghỉ, du lịch sinh thái)	5510

2. Toàn bộ ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 1 Điều này được đăng ký theo ngành cấp 4 của hệ thống ngành kinh tế Việt Nam theo quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

Vốn điều lệ: là số vốn mà Công ty xác định, đăng ký và được Chủ sở hữu phê duyệt.

Tổng vốn điều lệ: **96.700.608.572 đồng Việt Nam** (Chín mươi sáu tỷ, bảy trăm triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn, năm trăm bảy mươi hai đồng).

Điều 6. Chủ sở hữu nhà nước

Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu của Công ty. Việc phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty theo quy định tại Nghị định số 99/2012/ND-CP.

Địa chỉ: Số 04 Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Công ty theo quy định của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

Căn cứ quyền của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh; Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các quyền của Công ty, trong đó:

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều 7 Luật doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ này.

Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tiền lương và thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/ 4/ 2015 của Bộ Lao động - TBXH về Hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tiền lương, Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền

lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

Căn cứ nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; đặc thù về mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh; Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty quy định chi tiết các nghĩa vụ của Công ty, trong đó đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu.

e) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

g) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

i) Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

k) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn, tài sản của Công ty để lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

l) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và cam kết của Công ty với nước ngoài.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật và Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, khai thác, sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 12. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập.

Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty.

d) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty; có ý kiến đề Chủ tịch công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc.

e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát.

g) Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

h) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty; phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của công ty và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.

j) Quyết định lương của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm; quỹ lương hằng năm của viên chức quản lý Công ty.

k) Chấp thuận để Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

l) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, báo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên trong việc quản lý, điều hành công ty; có ý kiến để Chủ tịch công ty đánh giá đối với Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty.

m) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên – Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành địa phương có liên quan: Có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, giám sát thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng các quy định hiện hành.

3. Chủ tịch Công ty được giao thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 99/2012/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Ban Kiểm soát do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp Chủ sở hữu Công ty kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch Công ty.

Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của các Kiểm soát viên và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Tổ chức thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác của Công ty; phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc phải giám sát và điều hành công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu và tài sản của công ty.

b) Chủ sở hữu Công ty phải giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu Công ty phải yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu Công ty chỉ đạo Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

b) Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt của Chủ sở hữu Công ty và quy định của pháp luật.

5. Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty; bảo đảm để Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

Công ty được tổ chức theo mô hình Chủ tịch Công ty theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 15. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại.

2. Lương, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

4. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty quy định tại khoản 16 của Điều lệ này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch Công ty".

5. Quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch công ty, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận.

6. Chủ tịch Công ty làm việc hàng ngày tại Công ty. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 16. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của Công ty sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

2. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và gửi quyết định đến Chủ sở hữu Công ty để tổng hợp, giám sát.

3. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu Công ty.

Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

4. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương.

5. Cử, giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 20, Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Người đại diện).

6. Quyết định hoặc ủy quyền Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của công ty.

7. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, các tổ chức cấu thành Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương.

8. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

9. Quyết định hướng dẫn với các chức danh do Chủ tịch Công ty quyết định theo quy định.

10. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ Công ty.

11. Thực hiện việc sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt Đề án.

12. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này để đề nghị Chủ sở hữu Công ty quyết định hoặc có chủ trương về những vấn đề sau:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

b) Điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

c) Phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.

13. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

14. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo đặc thù của Công ty có báo cáo Chủ sở hữu Công ty bằng văn bản.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch Công ty

1. Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty phải là công dân Việt Nam.

2. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội không kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên.

5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Không là Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) đã từng bị miễn nhiệm trước thời hạn tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà

quốc khác trong những trường hợp quy định tại điểm a, điểm c và điểm d của khoản 1 Điều 18 Điều lệ này.

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

Điều 18. Miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Theo yêu cầu công tác, do thay đổi về tổ chức hoặc trong các trường hợp: Không đủ sức khỏe hoặc không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ Chủ tịch Công ty.

e) Khi Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu Công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

g) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

2. Chủ tịch Công ty được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật.

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác.

c) Bị miễn nhiệm theo quy định của Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra một trong những trường hợp được nêu tại Khoản 1 Điều này, Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 19. Nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu Công ty, không lợi dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Chủ sở hữu, Công ty về tình hình kinh doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 29. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ sở hữu Công ty.

1. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 17 Điều lệ này, quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

3. Tổng Giám đốc có các quyền sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty.
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty.
- e) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty.
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty.
- h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch công ty.
- i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- k) Tuyển dụng lao động.

4. Tổng Giám đốc có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, tận tâm, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Chủ sở hữu, Công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

5. Chủ sở hữu công ty xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Tổng giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch công ty trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với Công ty.

d) Tổng giám đốc xin từ chức.

e) Khi có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác.

g) Các trường hợp khác theo quy định tại quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc, pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan.

Điều 21. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty.

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Tổng giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của

Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm bao cao đội xuất về các vấn đề pháp trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Tổng giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo trình Chủ tịch công ty hoặc trình Chủ sở hữu công ty do Tổng giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 22. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

b) Báo cáo Chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Chủ sở hữu Công ty (nếu có).

Điều 23. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty và sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty xem xét quyết định trên cơ sở ý kiến thống nhất của Chủ sở hữu công ty.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty quyết định, nhưng không quá 5 (năm) năm. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

4. Bộ máy giúp việc bao gồm các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ được năng suất, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành Công ty.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc Công ty quyết định sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Công ty.

Điều 24. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc Công ty là đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Chủ tịch công ty phê duyệt, không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Chủ tịch Công ty xây dựng. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Đơn vị trực thuộc Công ty hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Công ty quyết định ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch Công ty quyết định việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Chủ sở hữu Công ty.

3. Chủ tịch Công ty có thể thành lập Ban Kiểm soát nội bộ để giúp Chủ tịch công ty thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban Kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Chủ tịch Công ty ban hành.

4. Đơn vị sự nghiệp của Công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt; được Công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của Công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện thực hiện các nhiệm vụ do Công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

5. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt và Tổng Giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch công ty quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 25. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty
2. Tổ chức công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty.

e) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Tổng Giám đốc lập kế hoạch đề Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc

lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của Công ty.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 27. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 của Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty, Chủ sở hữu Công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 3 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ và do Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ, thủ tục và phương pháp xác định vốn điều lệ; quyền, trách nhiệm và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 18 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

Điều 28. Quản lý tài chính Công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty do Chủ tịch Công ty ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những nội dung khác có liên quan.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Công ty con của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 30. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Tạm ngừng kinh doanh

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Chủ sở hữu Công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với Điều 200 của Luật Doanh nghiệp, Điều 23 của Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, pháp luật về thành lập doanh nghiệp, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 32. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định từ Điều 24 đến Điều 31 của Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan.

Điều 33. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 34. Trách nhiệm và báo cáo thông tin.

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

Điều 35. Chế độ báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;

b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty, về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);

c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Đại diện Ban Kiểm soát trình Chủ sở hữu Công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 36. Công khai thông tin

1. Chủ tịch Công ty (người đại diện theo pháp luật của Công ty) quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Chủ sở hữu Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu Công ty xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp.

Điều 38. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty.
Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch công ty ban hành quy chế quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

Điều 41. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu Công ty, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

4. Điều lệ này gồm 9 Chương, 41 Điều, được lập thành 20 bản có giá trị như nhau. Chủ sở hữu Công ty 01 bản, nộp cơ quan đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Thuận 01 bản, lưu: Sở Nội vụ 01 bản, Sở Tài chính 01 bản, Sở Lao động-Thương binh và xã hội 01 bản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 01 bản, Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bản, Chủ tịch Công ty 01 bản, Tổng Giám đốc Công ty 01 bản, Kiểm soát viên 01 bản, số còn lại gửi các cơ quan có liên quan và lưu tại Văn phòng Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Cường
Lê Ngọc Cường

**CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa
Nguyễn Đức Hòa



